

Lê Hoàng Nguyên

ÁNH SÁNG TRÍ HUỆ

 Nhà xuất bản
HỒNG ĐỨC



Ảnh: Võ Thanh Giáo

LÊ HOÀNG NGUYÊN

1970: Sinh tại xã Bình Nam, quận Thăng Bình, tỉnh Quảng Tín. **1987:** Học xong cấp ba trường Trần Cao Vân, Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam. **1994:** Tốt nghiệp trung học Điều Dưỡng. **1998-2017:** Làm việc tại bệnh viện Đa Khoa, Quảng Nam. **2007:** Xuất gia tại nhà tu Trí Huệ, Hội Thánh Truyền Giáo Cao Đài, Tam Kỳ, Quảng Nam. **2013:** Học cử nhân Phật học từ xa tại Học Viện Phật Giáo Việt Nam tại TpHCM. **2017:** Thọ giới tu sĩ. **2017:** Tốt nghiệp cử nhân Phật học. **2019:** Thọ phong phẩm Thái Lễ Sanh; thọ nhiệm Phó Ban Điều Hành nhà tu Trí Huệ.



4 Bửu điện thánh thất Từ Vân (Phú Nhuận)
ở Hiệp Thiên Đài treo bảng “Thiên Nhân Hiệp Nhất”;
ở Cửu Trùng Đài treo bảng “Vạn Giáo Nhất Lý”;
ở Bát Quái Đài treo bảng “Thuần Chơn Vô Ngã”.
Ảnh: Trương Công Hưng Việt (21-5-2023)



1 Trung Hưng Bửu Tòa (Hội Thánh Truyền Giáo Cao Đài, Đà Nẵng)
ở Cửu Trùng Đài treo bảng “Vạn Giáo Nhất Lý”;
ở Bát Quái Đài treo bảng “Thuần Chân Vô Ngã”. Ảnh: David Bokuchava



2

Thánh đường Quảng Nam (Tam Kỳ)
ở Cửa Trùng Đài treo bảng "Vạn Giáo Nhất Lý";
ở Bát Quái Đài treo bảng "Thuần Chân Vô Ngã".
Ảnh: Lê Hoàng Nguyên (21-5-2023)



3

Thánh đường Quảng Nam (Tam Kỳ)
ở Hiệp Thiên Đài treo bảng "Thiên Nhân Hợp Nhất".
Ảnh: Lê Hoàng Nguyên (21-5-2023)

ÁNH SÁNG TRÍ HUỆ

HỘI LUẬT GIA VIỆT NAM
NHÀ XUẤT BẢN HỒNG ĐỨC
65 Tràng Thi, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
Email: nhaxuatbanhongduc65@gmail.com
Điện thoại: 024.39260024 – Fax: 024.39260031

ÁNH SÁNG TRÍ HUỆ

Tác giả: Lê Hoàng Nguyên

Chịu trách nhiệm xuất bản
Giám đốc: BÙI VIỆT BẮC

Chịu trách nhiệm nội dung
Tổng biên tập: LÝ BÁ TOÀN
Biên tập: PHAN THỊ NGỌC MINH
Sửa bản in: NGHÊ DỮ LAN

Tranh bìa: <https://www.123freevectors.com>
Trình bày bìa: THIÊN TÂM (MINH LƯU)

Tủ Sách NGHIÊN CỨU ĐẠI ĐẠO – Quyển **150.1** trong
Chương Trình Chung Tay Ấn Tống Kinh Sách Đại Đạo
hướng về một trăm năm đạo Cao Đài (1926-2026), và ghi dấu
Chương Trình mười lăm năm hồng giáo (tháng 6/2008 – tháng 6/2023)

In 1.500 cuốn, khổ 14,5cm x 20,5cm tại Xí Nghiệp In FAHASA
774 Trường Chinh, phường 15, quận Tân Bình, TpHCM.
Điện thoại: 028.38153971 – Fax: 028.38153297.
Số XNĐKXB: 1670-2023/CXBIPH/09-38/HĐ
Số QĐXB của NXB: 907/QĐ-NXBHĐ, cấp ngày 27-5-2023.
In xong và nộp lưu chiểu năm 2023.
Mã số sách tiêu chuẩn quốc tế (ISBN): 978-604-398-988-5
Thỉnh kinh sách ấn tống, gửi thư về: daidaovanuyen@gmail.com

ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ
Chương Trình Chung Tay Ấn Tống Kinh Sách Đại Đạo
Tủ Sách NGHIÊN CỨU ĐẠI ĐẠO
hướng về một trăm năm đạo Cao Đài (1926-2026)

LÊ HOÀNG NGUYÊN

ÁNH SÁNG TRÍ HUỆ

Lời đầu sách: Giáo Sư THƯỢNG VĂN THANH

Lời cuối sách: Giáo Hữu THƯỢNG THUẦN THANH

Nhà xuất bản HỒNG ĐỨC
Hà Nội 2023



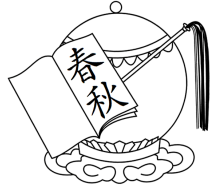
ÁNH SÁNG TRÍ HUỆ
Chương Trình Chung Tay Ấn Tống Kinh Sách
Đại Đạo ấn tống lần thứ nhất 1.500 quyển,
do công quả 21.000.000 đồng của:

A. Mười bốn ân nhân; mỗi vị 1.000.000 đồng:

1. Đạo hữu **ẢN DANH** (Gởi đợt 194, ngày 08-5-2023.) – 2. **ĐT BÙI THỊ CẢNH** (TTi Ngọc Điện Huỳnh Hà, HTCĐ Tiên Thiên. Hồi hướng cứu huyền thất tổ. Gởi đợt 192.) – 3. **ĐÀM ĐĂNG DUY** (Tiên Long, Châu Thành, Bến Tre. Gởi đợt 193.) – 4. **ĐT HỒNG TRANG HƯƠNG** (TTi Thanh Tịnh Đền. Gởi đợt 191.) – 5. **ĐT LÊ THỊ TÂM** (TT Thái Hòa, HT Truyền Giáo CĐ, cư ngụ Củ Chi. Gởi đợt 194.) – 6. **ĐT LỄ SANH NGUYỄN HƯƠNG PHÙNG** (TT Trung Nam, HT Truyền Giáo CĐ. Hồi hướng giác linh song thân là nhị vị Giáo Hữu HT Truyền Giáo CĐ: Ngọc Bách Thanh [1932-2007] và Trần Hương Mỹ [1932-2021]. Gởi đợt 188.) – 7. **ĐT NGUYỄN HỒNG TỬ PHƯỚC** (TT Thành Tâm Đền, HTCĐ Minh Chơn Đạo. Hồi hướng giác linh cha mẹ [ĐH Nguyễn Văn Mới và ĐT Võ Thị Quán], giác linh Lễ Sanh Thái Bang Thanh [Nguyễn An Bang] & ĐT TỬ THỊ NHUNG (TT Thành Tâm Đền. Gởi đợt 186.) – 8. **ĐT NGUYỄN THỊ LANG** (TT Trung Thành, HT Truyền Giáo CĐ. Gởi đợt 189.) – 9. **ĐH NGUYỄN TRI BỐN** (Minh Lý Đạo. Gởi đợt 191.) – 10. **ĐH PHẠM THÁI HÒA** (Chiếu Minh, Đền Toàn Chơn. Hồi hướng thân mẫu là ĐT ĐINH THỊ HOÀI, 101 tuổi. Gởi đợt 188.) – 11. **ĐT Teresa THẠCH THU OANH** (Lạc Long Quân, Tân Bình. Gởi đợt 189.) – 12. **ĐT TRẦN THỊ XUÂN DỊ** (HT Truyền Giáo CĐ, Phú Nhuận. Gởi đợt 193, 194.) – 13. Giác linh đạo hữu **TRỊNH TRẦN BẢO NGỌC** từ trần ngày 09-12 Nhâm Dần (Thứ Bảy 31-12-2022). Gởi đợt 192.) – 14. **ĐT TRỊNH NGỌC SƯƠNG** (TT Alfortville, Paris. Gởi đợt 189.)

B. Mười bốn ân nhân; mỗi vị 500.000 đồng:

1. Hai cháu **CAO KHÁNH VĂN & CAO BẢO NGUYỄN** (Cơ Quan PTGLĐĐ. Gởi đợt 190.) – 2. **ĐT ĐÀO THỊ TẤN** (Cơ Quan PTGLĐĐ. Gởi đợt 189.) – 3. Giáo Hữu **HƯƠNG PHONG** (TT Từ Văn, Phú Nhuận, HT Truyền Giáo CĐ. Gởi đợt 189.) – 4. **ĐH Lễ Sanh NGỌC HƯNG THANH** (TT Trung Thành, HT Truyền Giáo CĐ. Gởi đợt 191.) – 5. Giác linh **ĐT NGUYỄN THỊ ĐỨC** (1947-2021, TT Từ Văn, Phú Nhuận, HT Truyền Giáo CĐ. Gởi đợt 189.) – 5. **ĐH PHẠM NHỰT TRƯỜNG** (TT Nhựt Chánh, HTCĐ Ban Chính Đạo, Bến Lức. Gởi đợt 188.) – 7. **ĐT PHẠM QUẾ TRÂM** (TT Nhựt Chánh, HTCĐ Ban Chính Đạo, Bến Lức. Gởi đợt 188.) – 8. **ĐT PHẠM THỊ THANH LAN** (TTi Thanh Tịnh Đền. Hồi hướng giác linh song thân: ĐH Phạm Văn Sáu, ĐT Đinh Thị Mùi. Gởi đợt 184.) – 9. **ĐH PTS PHÙNG MAI ĐÌNH** (TT Trung Tín, HT Truyền Giáo CĐ. Gởi đợt 186.) – 10. **ĐT TRẦN THỊ KIM HƯƠNG** (Tiên Long, Châu Thành, Bến Tre. Gởi đợt 193.) – 11. **ĐT TRẦN THỊ THỐI** (TT Nhựt Chánh, HTCĐ Ban Chính Đạo, Bến Lức. Gởi đợt 188.) – 12. Gia đình **ĐH TRẦN VĂN TẤN** (Bình Thạnh. Gởi đợt 193.) – 13. **ĐH VÕ THANH THẢO** (TT Trung Thành, Bình Thuận. HT Truyền Giáo CĐ. Gởi đợt 192.) – 14. **ĐH VÕ TRỌNG ĐIỂM** (TT Trung Chính, HT Truyền Giáo CĐ. Khánh Hòa. Hồi hướng cứu huyền thất tổ. Gởi đợt 189.)



– Xin khấu tạ hồng ân Thiêng Liêng và chư Tiên Khai
đã hộ trì để chúng con có được tập sách nhỏ này.

– Kính hồi hướng đến chư Tiên Nhân quá cố.
Cầu nguyện Thầy Mẹ ban hồng phước
để chư vị được nhẹ nhàng siêu thoát.

– Kính hồi hướng Song Thân và chư Tiên Linh chúng con.
Cầu nguyện Thầy Mẹ ban hồng ân cho Song Thân
và chư Tiên Linh chúng con sớm tiêu diêu miền tịnh cảnh.

– Kính cầu nguyện cứu huyền thất tổ quý ân nhân siêu thăng.
Chí tâm cầu nguyện quốc thái dân an,
đạo pháp trường lưu, chánh pháp trung hưng,
Đại Đạo Cao Đài quy nguyên thống nhất,
vạn linh thức tỉnh hồi đầu, đồng đăng bỉ ngạn.

Nam mô Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát.
Nam mô Diêu Trì Kim Mẫu Vô Cực Đại Từ Tôn.

Lê Hoàng Nguyên kể thủ

MỤC LỤC

LỜI ĐẦU SÁCH – <i>Giáo Sư Thượng Văn Thanh</i>	8
1. ÁNH SÁNG TRÍ HUỆ	11
2. CHỮ HÒA TRONG TÂN PHÁP CAO ĐÀI	19
3. LỜI NÓI NGƯỜI CÓ ĐẠO	36
4. PHÁP MÔN LẠY TRONG ĐẠO CAO ĐÀI	49

MẤY VẦN THƠ

1. AI DỆT MÙA XUÂN	69
2. ẨN CHỮA	70
3. BÁC NHẢ TỊNH ĐƯỜNG	72
4. BÊN BỜ THÁC ĐỔ	74
5. BUỔI KINH CHIỀU	75
6. CHÂN KINH VÔ TỰ	76
7. CHIẾC LÁ CUỐN ĐI	78
8. CỎ CỎI	79
9. CƠN GIÓ LUÂN HỒI	80
10. ĐÊM NGUYỆN CẦU	81
11. EM BÁN HOA CHIỀU BA MƯƠI TẾT	83
12. GIẤC MƠ THIÊN THAI	85
13. GIỌT SƯƠNG BÉ BỎNG	86

14. GỞI CHỊ	87
15. HOÀI CẢM	88
16. HỘI KỶ BA	89
17. LÁ VÀNG THU	90
18. LẠY MẸ CON ĐI	91
19. LIÊN ĐÀI	92
20. LÒNG MẸ	93
21. NẮNG VÀ GIỌT NƯỚC	94
22. NẾU CON CÓ VỀ	95
23. NGÀY XƯA ÁO TRẮNG	96
24. NHỮNG MÀU MÂY	98
25. NHỮNG NGÀY CÙNG CÔ-VI	99
26. ƠN GỌI	100
27. PHƯỚC HỘI NGÀY VỀ	102
28. RỪNG XƯA ĐÃ KHÉP	104
29. TỰ TÌNH	105
30. VỀ ĐÂU	106
31. VỀ LINH THÁP	107
32. VỀ THĂM THIỀN VIỆN VẠN HẠNH	108
33. VỤ MÙA	110
34. XIN MỘT NGÀY	112
LỜI CUỐI SÁCH – <i>Giáo Hữu Thượng Thuần Thanh</i>	113

Lê Hoàng Nguyên giữ bản quyền
All rights reserved © 2023

LỜI ĐẦU SÁCH

Đọc hết những dòng của Lê Hoàng Nguyên (Lễ Sanh Thái Nguyên Thanh) trong *Ánh Sáng Trí Huệ*, tôi cảm thấy rất vui, rất tích cực như người đi chợ chiều mà gặp được rau tươi, hàng mới.

Sự liên tưởng dẫn tôi nhớ đến suy nghĩ của Kim Trọng sau khi nghe lời Thúy Kiều (Nguyễn Du, *Truyện Kiều*):

*Thấy lời đoan chính dễ nghe
Chàng càng thêm nể thêm vì mười phân.*

Trong trường đời bội bạc và cửa đạo phôi pha bấy chừ mà nhận được những lời chân tình, thiết cốt được bảo đảm bởi một hậu lai đáng tin đáng cậy thì tự nhiên mừng vui và xin có những lời chia sẻ.

Thái Nguyên Thanh có chí tu mạnh mẽ, rõ ràng nên đã xuất gia vào nhà tu Trí Huệ vào thời nhà tu chưa xây dựng (2007), rồi sau đó từ bỏ công việc ngoài đời (2017). Với tinh thần Cao Đài, với chí ham học ham tu, Lê Hoàng Nguyên đã đến các trường đạo, trường tu như Học Viện Phật Giáo Việt Nam tại TpHCM, Bác Nhã Tịnh Đường (thuộc Minh Lý Đạo, tại Long Hải, huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu) và có nhiều trải nghiệm tu học cùng với các anh chị em đồng đạo.

Trước khi viết bằng chữ và lời thì Lê Hoàng Nguyên đã viết bằng công hạnh vô ngôn như chúng ta có thể biết.

Với *Ánh Sáng Trí Huệ*, chúng ta đi cùng người viết từ bốn bài văn xuôi luận giải cho tới ba mươi bốn bài thơ. Nội dung trong cả hai thể loại đều hiện rõ tinh thần nhà đạo Kỳ Ba, như lời Đức Hưng Đạo Đại Vương dạy:

*Cao Đài vốn nền chung các đạo
Hiệp Ngũ Chi, vạn giáo một nhà.*

(Trung Hưng Bửu Tòa, ngày 13-8-1973)

Đọc thơ Lê Hoàng Nguyên, chúng ta còn thấu cảm, xót xa, thương quá thân phận một người chị em đồng đạo khó nghèo mà rất chân chất, thiết tình thiết dạ sống đạo, tin Thầy:

*Chị tính sau khi chị sửa nhà
Lên thưa họ đạo với thiện gia
Chị xin cho chị thờ Thiên Nhãn
Cho sớm chiều chị được gần Cha.*

(Vụ Mùa)

Tâm tình mộc mạc của nữ đạo hữu này gợi nhớ lời Thầy dạy:

“... miễn là các con học theo ý thấp thời như Thầy đã luận là đủ rồi, chẳng cần phải tìm kiếm đâu xa mà hao tổn ngày giờ lại có khi thông minh phản ngộ đó con.”

(Thánh thất Trung Quang, ngày 19-4-1939)

Người đạo tu được là nhờ thiện duyên – chúng ta nhận được tập *Ánh Sáng Trí Huệ* này là nhờ ân phước, thiện duyên từ Thầy Mẹ, từ Đạo, từ nhà tu Trí Huệ, cũng như từ Học Viện Phật Giáo Việt Nam, Chương Trình Chung Tay Ấn Tống Kinh Sách Đại Đạo, tác giả Lê Hoàng Nguyên, và bao nhiêu huynh tỷ đệ muội khác hiệp tâm cùng làm công quả pháp thí.

Vậy xin đề đầu tri ân.

Đà Nẵng, tháng 5-2023

Giáo Sư THƯỢNG VĂN THANH
Chương Quán Cơ Quan Phổ Tế
Hội Thánh Truyền Giáo Cao Đài

ÁNH SÁNG TRÍ HUỆ

Trong mỗi thời kinh, trước khi tụng bốn bài *Bửu Cáo* thì người tín hữu Cao Đài thường bắt đầu bằng bài *Khai Kinh*:

*Biển trần khổ vơi vơi trời nước
Ánh thái dương gội trước phương đông.*

Đó là cảnh tượng được Thầy thị hiện đồng thời với Thiên Nhân mà Đức Ngô Minh Chiêu đã tiếp nhận được và rồi trở thành biểu tượng thờ cúng theo lệnh Thầy.

Đức Phật Thích Ca dạy: Nước mắt chúng sanh từ vô thỉ nếu có chỗ chứa thì còn nhiều hơn nước bốn bể.

“*Biển trần khổ*” trong bài *Khai Kinh* là hình ảnh tượng trưng những khổ đau của con người nhiều như biển cả mênh mông. Giữa đêm tối vô minh, con người lặn ngụp trong biển khổ đó mà không biết phương hướng thoát ra.

“*Ánh thái dương*” là hình ảnh tượng trưng ánh sáng trí huệ phát ra từ nguồn chánh pháp của các Đấng Giáo Tổ, soi rọi cho con người tỉnh thức để có thể nhìn thấy bến bờ bên kia (*bỉ ngạn*) mà vượt qua biển khổ.

Nơi cổng nhà tu Trí Huệ ở Tam Kỳ (Quảng Nam) có hai câu đối rất hay:

*TRÍ định vọng tâm phiền não tận;
HUỆ khai chơn tánh Bồ đề sanh.*

Hai câu đối trên đây nêu ra hai vấn đề cốt lõi của mỗi người tu:

- Nguyên nhân đi tu: Phiền não (đau khổ).
- Mục đích (kết quả) đi tu: Giác ngộ (bồ đề).

Giải quyết rốt ráo cho cả nguyên nhân lẫn kết quả là TRÍ HUỆ.

1. Trí huệ là gì?

Trí huệ (*prajñā*) là bát nhã. Tựa điển Phật học Trung Hoa định nghĩa: “*Trí là biết tục đế; huệ là thông hiểu chân đế.*”

Cũng có thể nói: “*Trí là thể tánh sáng suốt trong sạch; huệ là cái diệu dụng xét soi tự tại. Trí huệ ba la mật là thể tánh sáng suốt có khả năng soi sáng sự vật một cách thấu đáo tinh tường đến nơi đến chốn, không thể sai lầm được.*”⁽¹⁾

2. Trí huệ là gương báu cắt đứt phiền não

Kinh Vào Học của đạo Cao Đài có câu:

*Gần điều nên, lánh lẽ hư
Nương gương thần huệ đặng trừ nghiệp căn.*

Như vậy, người tu phải biết học tập điều lành, lánh xa điều dữ; phải biết dùng “thần huệ” (trí huệ diệu màu) để cắt đứt

⁽¹⁾ Thích Thiện Hoa, *Phật Học Phổ Thông*, Tập I. Hà Nội: Nxb Tôn Giáo, 2018, tr. 613.

“nghiệt căn” (gốc rễ, mầm mống khiến con người phạm tội).

Câu kinh khi thuộc nằm lòng là hành trang cho người tín hữu Cao Đài mang đi trong suốt đường dài tu học.

Khi dừng chân giữa những bộn bề của cuộc sống, có lúc chúng ta tự hỏi: *“Ta là ai mà còn khi giấu lệ? Ta là ai mà còn trần gian thế?”* (Trịnh Công Sơn). Đó là lúc chúng ta ý thức được mình còn có một quê hương để trở về sau khi đã đi *“loanh quanh cho đời mỗi một”* (Trịnh Công Sơn).

Nhưng trở về sao được khi ta đang đứng giữa những nợ nần chồng chất của gia sản, địa vị, tình tiền...? Thế nên khách lữ hành bỗng buông một tiếng thở dài:

*Cũng liều nhắm mắt đưa chân
Mà xem con tạo xoay vần đến đâu.*
(Nguyễn Du, *Truyện Kiều*)

Hoặc tệ hơn nữa là:

*Thân lươn bao quản lấm đầu
Chút lòng trinh bạch từ sau xin chừa.*
(Nguyễn Du, *Truyện Kiều*)

Giữa ý thức rằng mình có một “nguồn cội” để trở về và hành vi thực sự quay đầu để lên đường trở về rõ ràng có một khoảng cách, do đó:

*Có hôm gió bỗng lờn khân
Ngao du đâu đó để bản thân chuông.*
(Nguyễn Quốc Huân)

Con người chúng ta vốn rất hay “lần khân” và “bản thân” mỗi khi cần có một quyết định quan trọng. Nhất là khi phải lựa chọn giữa những cám dỗ ngọt ngào của thế tục và hành trình ngược dòng đầy khổ ải của con đường thẳng tiến tâm linh.

Sẽ không thể giải quyết được sự “lần khân” nếu không có một ý chí đồng mãnh đủ cắt đứt tất cả những *“trói trăn buộc bện đăm mờ giác linh”* ⁽²⁾ để làm một cuộc “hồi đầu thị nạn”.

Những trói buộc đó không chỉ chi phối đời sống con người nơi trần thế mà ngay cả những người bước qua bên kia thế giới vẫn có thể bị lôi kéo để trở lại con đường luân hồi sanh tử.

Mỗi người khi lìa bỏ cõi trần sẽ còn rất nhiều điều chưa làm được: *“Thí dụ bây giờ tôi phải đi / (...) Ôi bao nhiêu điều chưa nói cùng / Với bình minh / Hay đêm khuya / Và từng trưa nắng...”* (Trịnh Công Sơn). Có những điều thực tế và đôi khi cả những điều rất xa vời nữa sẽ níu kéo bước chân trở về “nguồn cội” của chúng ta. Cho nên, trên hành trình trở lại quê xưa thì giác linh vẫn được “nhắc nhở” trong mỗi tuần cửu:

*Nắm cây huệ kiếm gươm thần
Dứt tan sự thế nợ trần từ đây.*
(*Kinh Khai Cửu*)

Sự thế, nợ trần vốn là mối dây oan nghiệt trói buộc con

⁽²⁾ Đức Diêu Trì Kim Mẫu, *Tam Thừa Chơn Giáo*, Phẩm Trung Thừa: đàn ngày 01-9 năm Đạo 36, bài “Đoạn Thất Tình”.

người trong vòng sanh tử luân hồi. Giác linh muốn thoát khỏi sự trói buộc đó phải dùng gươm trí huệ để đoạn dứt.

Cõi hồng trần là chốn khổ bởi những cám dỗ nhưng cũng là chỗ đào luyện linh căn, cũng là nơi cho chúng ta cơ hội để mài gươm trí huệ thêm sắc bén. Thầy dạy: *“Thầy nói cho các con biết: Dầu một vị Đại La Thiên Đế xuống phàm mà không tu, cũng khó trở lại địa vị đặng.”* ⁽³⁾ Tu ở đây là biết dùng trí huệ để vượt thắng những phiền não, trói buộc khiến con người chìm đắm trong luân hồi sanh tử.

3. Trí huệ là đuốc sáng soi lối con đường giác ngộ

Giác ngộ là mục đích của mỗi người tu. Đó là trạng thái của tỉnh thức, nhận chân một cách rõ ràng bản chất của mọi sự vật, hiện tượng. Giá trị của giác ngộ vượt lên trên tất cả những gì được cho là cao quý nhất trong đời sống vật chất. Thái tử Sĩ Đạt Ta Cồ Đàm đã rời bỏ cả ngai vàng điện ngọc, vợ đẹp, con thơ để tìm cầu giác ngộ và thành Phật Thích Ca. Không chỉ Đức Phật, ở Việt Nam có vua Trần Nhân Tông khi đang ở đỉnh cao địa vị và quyền lực cũng rời bỏ tất cả để lên núi Yên Tử tìm Đạo rồi trở thành sơ tổ thiền phái Trúc Lâm Yên Tử.

Giác ngộ không tự đến mà là kết quả của sự soi sáng thân tâm. *Chú Nguyện Tiêu Nguyện Sanh* có câu: *“Trí huệ trưởng, bờ đề sanh.”*

⁽³⁾ *Thánh Ngôn Hiệp Tuyển*, quyển 1: 28-8 Bính Dần (Thứ Hai, 04-10-1926).

Ở đây có sự nối kết thành một quá trình liên tục (tương tục) giữa trí huệ và bờ đề. Cái này có mặt là sự có mặt của cái kia và ngược lại. Sự chứng đắc giác ngộ đặt nền móng trên sự trưởng dưỡng trí huệ.

Bát Nhã Tâm Kinh nói rằng chư Bồ Tát nhờ y theo trí huệ bát nhã ⁽⁴⁾ mà chứng đắc niết bàn: *“Bồ đề tát đỏa y bát nhã ba la mật đa cố (...) viễn ly điên đảo mộng tưởng cứu cánh niết bàn”*, và chư Phật ba đời cũng y cứ nơi trí huệ bát nhã mà chứng đắc vô thượng chánh đẳng chánh giác: *“Tam thế chư Phật y bát nhã ba la mật đa cố, đắc a nậu đa la tam miệu tam bồ đề.”*

Nhìn ở tầm “vĩ mô” thì trí huệ ví như nguồn ánh sáng có thể soi sáng cả ba mươi sáu tầng trời, là nguồn lực để dòng đạo mạch lưu thông khai mở, dẫn lối cho chín mươi hai ức nguyên nhân còn đang mê muội:

*Huệ đặng bất diệt,
chiếu tam thập lục thiên chi quang minh.
Đạo pháp trường lưu,
khai cứu thập nhị tào chi mê muội.
(Nhiên Đẳng Cổ Phật Bửu Cáo)*

Như vậy, trí huệ là gươm báu chặt đứt phiền não, là chỗ y cứ của chư Phật, Bồ Tát để chứng ngộ.

⁽⁴⁾ Trí huệ tức là bát nhã. Ở đây tạm ghép hai từ đồng nghĩa thành “trí huệ bát nhã”.

4. Trí huệ là kết quả của tu tập

Trên con đường tìm cầu giải thoát thì trí huệ vốn không tự đến mà là kết quả của sự tu tập. Nhà Phật xác quyết điều này bằng lộ trình tu tập: Giới-Định-Huệ (còn gọi là “tam vô lậu học”, tức là pháp tu học không có khuyết điểm, sai sót).

– Giới (*sīla*) là những điều luật, quy định đặt ra cho người tu nhằm đảm bảo những giá trị đạo đức và tránh những chướng ngại trong đời tu.

– Định (*samādhi*) là thiền định để đạt được sự thanh tịnh, không loạn động trước mọi sự chuyển biến của cuộc sống.

– Huệ (*pānna*) là sự quán xét không có sai lầm về mọi sự vật, hiện tượng.

Trong mối tương quan này, Huệ được xem là kết quả của Giới-Định. Khi người tu giữ được Giới thì thân tâm không bị dao động bởi chướng ngại từ ngoại cảnh, nhờ đó đạt được sự thanh tịnh bên trong gọi là Định. Định được ví như ngọn đèn không bị xao động nên có thể chiếu sáng mọi vật một cách rõ ràng. Huệ chính là sự chiếu sáng đó nên được xem là kết quả của Định.

Sách *Đại Học* đưa ra một chân lý tương tự: “*Tri chí nhi hậu hữu định.*” (Biết dừng lại [ở chỗ “chí thiện” là đạo đức trong sạch] thì sẽ đạt được Định.)

Lại thêm câu này: “*An nhi hậu năng lự, lự nhi hậu năng đắc.*” (Sau khi đạt được sự an định thì mới suy nghĩ, và sự suy nghĩ đó mới đạt chân lý.)

Như vậy, trí huệ là sự nhận chân bản chất của sự vật một cách toàn diện, và là kết quả của một quá trình tu học, rèn luyện đúng pháp trong thời gian lâu dài.

Các tu sinh, tu sĩ mỗi ngày ra vào qua cổng nhà tu Trí Huệ có lẽ đều thuộc lòng và hiểu rõ giá trị của trí huệ trong đời tu khi nhìn hai câu đối:

Trí định vọng tâm phiền não tận;

Huệ khai chơn tánh bồ đề sanh.

Nhưng để đạt được kết quả vô cùng tốt đẹp đó thì mọi người hãy biết tuân hành quy chế nhà tu; tự rèn luyện mình trong giới đức, giữ gìn giới thể; tự an định nội tâm bằng cách giữ gìn hòa khí với anh em đồng tu, và bằng công phu, tịnh định. Được như thế thì thân tâm an hòa, và linh khiểu, linh năng cũng sáng tỏ; bấy giờ chỗ diệu dụng của trí huệ nơi tự thân chắc chắn sẽ được khai sáng. Đó chính là sở nguyện của mỗi người tu học, là chỗ mong chờ của Hội Thánh và toàn đạo khi đã góp sức, chung tâm xây dựng nên ngôi nhà tu Trí Huệ.

CHỮ HÒA TRONG TÂN PHÁP CAO ĐÀI

Con người chỉ là hạt bụi của vũ trụ, nhưng con người lại là sự hòa hợp kỳ diệu của những hạt bụi kinh qua hành trình mười lăm tỷ năm ánh sáng, để một ngày hạt bụi đó tự nhận thức được mình, tự hỏi mình là ai và mình đứng ở đâu trong vũ trụ bao la này. Sự kỳ diệu tạo nên con người cũng là sự kỳ diệu tạo nên vũ trụ này bắt đầu bằng chữ Hòa.

Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế dạy:

*Chữ Hòa quý báu biết bao
Bao trùm vũ trụ thấp cao cũng Hòa
Đất trời do đó mà ra
Phật Tiên cũng bởi đó mà siêu thăng.⁽¹⁾*

Chữ Hòa để cấu thành vạn vật cũng là mối giềng gìn giữ, vận hành vạn vật.

*Còn Hòa trời đất mới còn
Còn Hòa mới có các con bây giờ
Hòa là phép nhiệm huyền cơ
Hiệp Hòa từ thuở ban sơ loài người.⁽²⁾*

⁽¹⁾ Đại Thừa Chơn Giáo: 03-8 Bính Tý, bài “Hòa Hiệp”.

⁽²⁾ Đại Thừa Chơn Giáo: 03-8 Bính Tý, bài “Hòa Hiệp”.

Mối tương quan giữa con người với trời đất và vạn vật có bốn tầng bậc như sau:

– *Con người biết hòa hiệp với Trời (Thiên):* Đây là sự hòa hiệp trong mối giao cảm thông linh cùng Thượng Đế.

– *Con người hòa với môi trường sống xung quanh (Địa):* Đây là sự hòa hiệp với thiên nhiên, cỏ cây; là sự yêu thương và bảo vệ sự sống của chúng sinh vạn loại.

– *Con người hòa với con người (Nhân):* Đây là mối giao hảo của con người với gia đình, bạn bè, và xã hội.

– *Hòa trong chính bản thân con người:* Đây là sự hòa hiệp giữa thân và tâm; hòa hiệp giữa cái thấy biết và việc làm.

1. Định nghĩa chữ Hòa

1.1. Hòa nghĩa là không có mâu thuẫn hay xung đột trong các mối quan hệ.

1.2. Theo thánh giáo Cao Đài

1.2.1. Hòa là thuận theo nguyên tắc của Tạo Hóa, không chống trái nhau trong các mối giao tiếp

Đức Quảng Hiệp Đạo Nhơn Phan Châu Trinh dạy:

*Hòa là chẳng chia hai vận khí
Hòa là không đổ kỵ thua hơn
Hiệp mình đoàn thể chánh chơn
Hòa trong thế hạ giải cơn khổ sầu.⁽³⁾*

⁽³⁾ Tam Thừa Chơn Giáo, Phẩm Trung Thừa: 01-5 năm Đạo 37, bài “Tinh Thần Hòa Hiệp”.

“Hai vận khí” được hiểu là nguyên lý âm dương hòa hợp trong vạn vật. Người tu luyện (hành giả) biết vận dụng nguyên lý âm dương sẽ thành đạo. Khí dương có xu hướng bay lên, khí âm đi xuống. Nếu để riêng rẽ thì âm và dương luôn tách rời. Nếu biết dùng thì giống như người đầu bếp để lửa bên dưới, để nước bên trên mà chế biến thức ăn. Trong phép tịnh luyện (công phu), hành giả dùng “Lửa cung Ly nấu vàng cung Khảm”,⁽⁴⁾ tức là đưa dương hỏa của tạng tâm (cung Ly) xuống và vận âm khí của tạng thận (cung Khảm) đi lên; đây là phép nghịch chuyển để nấu linh đơn.

“Hòa là không đố kỵ thua hơn” nghĩa là mỗi người luôn có những ưu khuyết nhất định, hãy biết chấp nhận những ưu điểm và khuyết điểm của người khác để sống hòa hợp rồi từ đó giúp nâng cao ưu điểm và hạn chế khuyết điểm của mình và của người.

1.2.2. Hòa là sự kết hợp không thể tách rời

Đức Bảo Pháp Chơn Quân Thanh Long dạy:

*Pháp trung hưng đã đem về một
Dính chùm nhau như hạt ác xoa⁽⁵⁾
Dù mà muốn gỡ không ra
Như là sữa nước chan hòa lẫn nhau.⁽⁶⁾*

⁽⁴⁾ Đại Thừa Chơn Giáo: 19-8 Bính Tý, bài “Tam Thừa Cứu Chuyển”.

⁽⁵⁾ Ác xoa: Danh pháp khoa học là *Elaeocarpus ganitrus*. Cứ ba quả kết thành một chùm và sau khi rụng xuống đất thì phần nhiều chụm lại một chỗ, cho nên còn gọi là “ác xoa tụ”. Hạt của nó còn gọi là “kim cương tử” vì rất cứng, còn được kết làm chuỗi hạt.

Hòa ví như sữa hòa tan với nước – sự hòa hợp tuyệt đỉnh, không thể tách rời, không thể phân biệt; hình ảnh này dùng để nói về chánh pháp trung hưng được Ôn Trên đặt để trong sứ mạng song hành phổ tế và tịnh luyện: “*Công truyền, tâm pháp đồng thi [thời] phải tu*”.⁽⁷⁾

Những điển giải như trên cho thấy Hòa có vai trò gìn giữ gia đình và xã hội, duy trì đạo đức, đưa con người thăng tiến trên hành trình xây dựng và phát triển tâm linh. Vì vậy, trong phần kế tiếp, chúng ta tìm hiểu ý nghĩa của Hòa trong các mối quan hệ gia đình và xã hội, trong các nền tôn giáo xưa, để rồi từ đó nhận ra giá trị của Hòa trong thánh giáo Cao Đài.

2. Hòa trong gia đình và xã hội

2.1. Hòa trong đạo vợ chồng

“*Thuận vợ thuận chồng tát bể Đông cũng cạn*.” (Tục ngữ)

Thật ra không ai có thể tát biển Đông, bởi vì đây là một trong những biển lớn và sâu nhất thế giới. Nhưng câu tục ngữ ví von như vậy để nói rằng sự hòa hợp có thể tạo nên sức mạnh phi thường.

*Râu tôm nấu với ruột bầu
Chồng chan vợ húp gật đầu khen ngon.* (Ca dao)

Râu tôm, ruột bầu là hai thứ người nội trợ thường bỏ đi. Món canh này thật ra không thể ngon được; nhưng qua ca

⁽⁶⁾ Trung Hưng Bửu Tòa, 08-01 Nhâm Tuất (Thứ Hai 01-02-1982).

⁽⁷⁾ Trung Hưng Bửu Tòa, 08-01 Nhâm Tuất (Thứ Hai 01-02-1982).

dao, hình ảnh người chồng chan, người vợ húp một món canh quá xoàng xĩnh mà cùng khen ngon là để nói lên cái đẹp của sự hòa hợp, yêu kính nhau.

2.2. Hòa trong tình ruột thịt

Anh em như thể tay chân

Anh em hòa thuận, hai thân vui vầy. (Ca dao)

Bậc làm cha làm mẹ nào cũng yêu thương và mong muốn con cái mình luôn hòa thuận và yêu mến nhau.

Chuyện xưa kể rằng một người cha đã đưa cho các con một bó dưa và bảo mỗi người hãy bẻ bó dưa, nhưng không ai bẻ được. Sau đó, ông lại tách bó dưa ra từng chiếc thì ai cũng bẻ được dễ dàng. Người cha dạy con về sự yêu thương và đùm bọc trong anh em có thể làm nên sức mạnh của mỗi gia đình.

2.3. Hòa trong tình yêu nước thương dân

Ngoài tài quân sự lỗi lạc, danh tướng Trần Hưng Đạo sinh thời còn biết vận dụng chữ Hòa làm nên sức mạnh nhà Trần. Ngài vì việc nước mà bỏ thù riêng; trong lúc vận nước như ngàn cân treo sợi tóc, Ngài quyết từ bỏ lời dận dò của cha trước khi chết để làm hòa với Thượng Tướng Trần Quang Khải. Đức hòa hiệp của Ngài đã đem đến chiến thắng oanh liệt của dân quân nhà Trần trước đoàn quân Nguyên xâm lược hùng mạnh gấp bội lần.

3. Chữ Hòa trong các tôn giáo xưa

Đối với các nền tôn giáo, vận dụng chữ Hòa trong đạo lý là

một nguyên tắc không thể thiếu.

3.1. Nho Giáo

Nho Giáo nhìn nhận tầm quan trọng của Hòa trong quy luật vận hành của thiên địa. Sách *Đại Học* chép:

“Trung dã giả, thiên hạ chi đại bản dã. Hòa dã giả, thiên hạ chi đạt đạo dã. Trí Trung Hòa, thiên địa vị yên, vạn vật dục yên.”

(Trung là gốc lớn của thiên hạ. Hòa là đạo lý thông đạt trong thiên hạ. Đạt tới Trung Hòa thì trời đất được an vị, muôn vật được nuôi dưỡng.)

Về mối giao hảo giữa người với người, Nho Giáo có câu: *“Quân tử hòa nhi bất đồng; tiểu nhân đồng nhi bất hòa.”* (*Luận Ngữ*, Tử Lộ, 13)

“Hòa nhi bất đồng” nghĩa là người quân tử dù có khác nhau trong công việc nhưng cùng nhau xây dựng, đóng góp cho lý tưởng chung. Chữ “quân tử” ở đây là những người biết hòa mình, biết cống hiến cho mục đích chung.

“Tiểu nhân đồng nhi bất hòa” nghĩa là những người cùng trong một tổ chức nhưng lại cạnh tranh lợi quyền. Chữ “tiểu nhân” ở đây là những người ích kỷ, chỉ biết sống theo bản ngã, hay tranh cạnh, giựt giành.

3.2. Lão Giáo

Đạo Đức Kinh, chương 4 (*Vô Nguyên*) viết: *“(H)òa kỳ quang, đồng kỳ trần.”*

“Kỳ quang” là ánh sáng (sự minh triết) của bậc đạt đạo; “kỳ trần” là bụi bặm (sự tầm thường) của chúng sanh. Ý nói rằng các bậc cao nhân đạt đạo vẫn hòa đồng với thế nhân, không kỳ thị bá tánh còn thấp thỏi, tầm thường.

3.3. Phật Giáo

Phật Giáo dụng chữ Hòa trong pháp “Lục Hòa” để làm hưng thịnh và phát triển tăng đoàn:

- *Thân hòa cộng trú*: Hòa hiệp trong sinh hoạt để sống chung với nhau.
- *Khẩu hòa vô tranh*: Hòa hiệp trong lời nói để không tranh cãi.
- *Ý hòa đồng sự*: Hòa hiệp trong tâm ý để hợp tác với nhau.
- *Giới hòa đồng tu*: Hòa hiệp trong giới luật để cùng tu với nhau.
- *Kiến hòa đồng giải*: Hòa hiệp trong khi trình bày ý kiến.
- *Lợi hòa đồng quân*: Hòa hiệp trong sự chia đều lợi ích.

3.4. Ki-tô Giáo

Thánh Mát-thêu (5:23-24) chép trong *Phúc Âm* như sau:

“*Khi anh sắp dâng lễ vật trước bàn thờ, mà sực nhớ có người anh em đang có chuyện bất bình với anh, thì hãy để của lễ lại đó trước bàn thờ, đi làm hòa với người anh em ấy đã, rồi trở lại dâng lễ vật của mình.*”

4. Chữ Hòa trong Cao Đài Giáo

4.1. Hòa làm Thầy vui lòng

Câu Kinh Thánh (Mát-thêu 5:23-24) dẫn trên gợi nhớ lời Thầy dạy:

“*Thầy vui muốn cho các con thuận hòa cùng nhau hoàì, ấy là lẽ hiển cho Thầy rất trân trọng.*”⁽⁸⁾

Thầy dạy về công năng thần diệu của hòa như sau:

“*Có hòa mới có càn khôn thế giới. Có hòa mới giữ vững trời đất bền lâu. Có hòa mới có an bài thành tựu. Có hòa mới có Thầy, có vạn vật và có các con, hay có cơ độ sanh độ tử, liễu ngộ thần thông, vạn năng biến hóa. Hòa là nơi các con do đó mà đi, cũng do đó mà về, do đó mà siêu, cũng do đó mà tự đoạt phần ngòai quả Thiên Đình. Chúng sinh sở dĩ có và tồn tại đến buổi hạ nguơn này, nếu không phải hòa thì do chi mà được?*”

“*Hôm nay Thầy đến cùng các con cũng phải nương cơ hòa hiệp mà đến, rồi giải cứu cho các con thoát khỏi tai kiếp mạt đời, thoát vòng sanh tử luân hồi; cũng phải lấy chữ Hòa làm pháp môn tận độ. Các con muốn gần Thầy và có Thầy luôn luôn ngự đến là phải xây đắp một cơ sở lấy hòa hiệp mà dựng nên. Thầy ngự mãi ở chỗ hòa. Các con có hòa mới mong thành đạo.*”⁽⁹⁾

Thầy đã nương cơ hòa hiệp mà đến với chúng ta và Thầy

⁽⁸⁾ *Thánh Ngôn Hiệp Tuyển*, quyển I: Thứ Bảy 20-02-1926.

⁽⁹⁾ *Thánh thất Từ Quang*, 03-7 Ất Mùi (Thứ Bảy 20-8-1955).

ngự ở nơi hòa hiệp; muốn được trọn ân điển của Thầy thì chúng ta hãy sống hòa hiệp, vì nơi nào thiếu hòa hiệp thì Thầy sẽ không đến, bởi lẽ ở đó không có chỗ cho Thầy ngự.

4.2. Hòa trong tôn chỉ đạo Cao Đài

Với tôn chỉ “Tam Giáo quy nguyên; Ngũ Chi phục nhứt”, đạo Cao Đài hòa hiệp tất cả đạo pháp đông tây, kim cổ.

4.3. Hòa trong mục đích đạo Cao Đài

Với mục đích kép “Thế đạo đại đồng; Thiên đạo giải thoát”, đạo Cao Đài hòa hiệp pháp môn phổ độ (độ tha) với pháp môn vô vi hay tịnh luyện (tự độ).

4.4. Hòa trong ngôi Tam Đài

– Hiệp Thiên Đài là nơi Thiên nhân hiệp nhất, là chỗ con người hòa hiệp cùng Ông Trên để đón nhận ân điển thiêng liêng. Vì thế, trong bửu điện Trung Hưng Bửu Tòa (Đà Nẵng) cũng như trong bửu điện các thánh thất thuộc Hội Thánh Truyền Giáo Cao Đài, trước bàn thờ Hộ Pháp (chữ Khí), phía trên có treo tấm bảng “Thiên Nhân Hiệp Nhất”.

– Cửu Trùng Đài ở Trung Hưng Bửu Tòa và các thánh thất treo bảng “Vạn Giáo Nhất Lý” tức là nêu cao chủ trương hòa hiệp với mọi nguồn dòng giáo lý, tôn giáo.

– Bát Quái Đài ở Trung Hưng Bửu Tòa và các thánh thất có treo bảng “Thuần Chân Vô Ngã”. Con người không còn bản ngã tư riêng thì hết xung khắc, như thế mới có thể sống hòa hiệp với nhau. (Xem bốn ảnh minh họa ở phụ bản màu.)

4.5. Nguyên nhân làm mất hòa hiệp

Tại sao con người vẫn khó hòa hiệp, lòng người vẫn ngăn cách?

Đức Lý Thái Bạch dạy:

*Nên cũng ta mà hỏng cũng ta
Chính ta là Phật, cũng là ma
Thử đem vứt cái ta đi quách
Thế sự lo chi chẳng thuận hòa.⁽¹⁰⁾*

Như vậy, Đức Lý cho thấy nguyên nhân gây ra bất hòa là “cái ta”. Cái ta ở đây là sự chấp ngã. Những gì liên quan đến ta thì luôn được chúng ta đề cao. Phật Giáo cho rằng “ngã kiến” là một quan niệm sai lầm; nó là mầm mống của tham dục, sân hận, và si mê thế nên nhà Phật chủ trương phá ngã chấp.

Những gì liên quan đến con người gồm có hai phần là vật chất hữu hình và tinh thần.

– Phần vật chất hữu hình: Bao gồm tài sản, vợ con, và bản thân chúng ta. Nhưng vật chất có tồn tại mãi với chúng ta không? Ông Như Hầu Nguyễn Gia Thiều viết:

*Giấc Nam Kha khéo bất bình
Bừng con mắt dậy thấy mình tay không.
(Cung Oán Ngâm Khúc, câu 83-84)*

Ông ví cuộc sống này giống như một giấc mộng Nam Kha

⁽¹⁰⁾ Thánh tịnh Ngọc Minh Đài, 04-3 Quý Mão (Thứ Năm 28-3-1963).

để một ngày tỉnh ngộ “bùng con mắt dậy” thì hiểu ra là mình chẳng có gì cả. Chúng ta bước vào đời với đôi bàn tay trắng rồi ra đi cũng trắng hai tay, chẳng mang theo được gì. Quả là:

*Sang giàu chẳng khác như mây
Khi tan, khi hiệp đối xây không thường
Việc sanh tử như đường chớp nháng
Bóng quang âm ngày tháng dập dồn.
(Kính Sám Hối)*

Tiền bạc tất nhiên giúp cho cuộc sống nhưng nó là thứ vô thường. Ngay cả bản thân chúng ta còn không giữ được. Ta muốn mình trẻ mãi không già, muốn khỏe mạnh hoài, không bệnh tật mà nào có được đâu. Nếu thân này là của mình, tại sao mình điều khiển nó không được?

– *Phần tinh thần*: Là những gì thuộc về quan điểm, lý tưởng, tôn giáo... Chúng có tuyệt đối không? Chúng ta thường tranh luận hơn thua để bảo vệ ý kiến của mình. Thế nhưng Nguyễn Bình Khiêm viết:

*Thế sự đua nhau nói đại khôn
Biết ai là đại biết ai khôn
Khôn nghề cò bạc là khôn đại
Đại chốn văn chương ấy đại khôn
Những kẻ nên khôn đều có đại
Làm người có đại mới nên khôn
Chớ cậy rằng khôn khinh kẻ đại
Gặp thời đại cũng hóa nên khôn.
(Đại Khôn)*

Ông cho rằng tùy theo quan điểm riêng mà mỗi người nhìn nhận vấn đề khác nhau; các quan điểm của người đời đều tương đối. Để diệt thói quen bám chấp của con người.

Đức Phật dạy:

“Nhu Lai thường nói: Tỳ kheo các ông nên biết, ta nói pháp như chiếc bè; pháp còn nên bỏ, hướng là phi pháp.”⁽¹¹⁾

Đức Phật dạy rằng ngay cả “pháp” cũng cần phải bỏ, vì “pháp” chỉ là “chiếc bè”, tức là phương tiện vượt qua sông mê, bể khổ. Người qua sông rồi (đã chứng đắc) phải bỏ lại bè, vì pháp không còn là phương tiện cần thiết cho họ nữa. Do đó, Phật bảo pháp còn phải bỏ, hướng hồ là “phi pháp” (chẳng phải chánh pháp cứu độ).

Như vậy, chính sự chấp ngã làm cho ta đau khổ, tranh luận được thua. Đúng ra nó không có thực tướng. Nguyên nhân của bất hòa lại là bởi chúng ta không nhận ra điều ấy.

Đức Lý dạy:

*Thử đem vứt cái ta đi quách
Thế sự lo chi chẳng thuận hòa.*

4.6. Phương pháp thực hành hòa hiệp

– *Tự sửa lỗi mình*

Thầy dạy:

⁽¹¹⁾ Thích Thanh Từ, *Kinh Kim Cang Giảng Giải*. Nxb Tổng Hợp TpHCM, 1999, tr. 49.

*Phải nắm giữ hiệp hòa kiên nhẫn
Tịnh tâm lo bốn phận làm người
Lỗi làm thiên hạ chớ bươi
Xấu xa mê muội đừng cười chê khen.⁽¹²⁾*

Như vậy, muốn giữ được hiệp hòa thì trước tiên phải biết “*tịnh tâm lo bốn phận*”, nghĩa là phải biết nhìn lại tư cách mình trước đã, ngay cả khi thiên hạ có lỗi mình cũng không nên chê khen. Thực sự chúng ta thường dính mắc lỗi này khi có người làm mình không vừa ý.

– *Khiêm cung*

Hiệp hòa là chỗ chúng ta nương theo mà tu tiến.

Thầy dạy:

*Đạo Trời khắp cả nhân gian
Lấy câu hòa hiệp làm thang vượt trần.⁽¹³⁾*

Để giúp chúng ta leo lên cái thang ấy, Thầy chỉ cho chúng ta một phương pháp là hãy khiêm cung:

*Hạ mình xuống thấp mà cao
Trèo cao sẽ té lộn nhào như không.⁽¹⁴⁾*

4.7. Có hòa hiệp mới có thể giúp đời độ chúng

Nhờ hòa hiệp mà có yêu thương; có yêu thương mới biết lo giúp đời cứu độ chúng sanh.

⁽¹²⁾ *Đại Thừa Chơn Giáo*: 04-9 Bính Tý, bài “Kiên Nhẫn”.

⁽¹³⁾ *Đại Thừa Chơn Giáo*: 03-8 Bính Tý, bài “Hòa Hiệp”.

⁽¹⁴⁾ *Đại Thừa Chơn Giáo*: 03-8 Bính Tý, bài “Hòa Hiệp”.

Thầy dạy:

*Có hòa hiệp mới biết thương
Thương nhau mới thể tầm phương cứu đời.⁽¹⁵⁾*

Tu là để cứu mình, độ chúng; tuy nhiên, chúng ta sẽ chẳng độ được ai khi ngay trong tổ chức chúng ta còn phân tranh, thiếu hòa ái. Muốn cứu độ mười phương phải nhờ chữ Hòa.

Đức Quan Thánh Đế Quân dạy:

*Thi nhau cúng sấm với quỳ hương
Thi lập quả công ở thánh đường
Thi luyện tinh thần, tâm tịnh định
Thi câu hòa ái độ mười phương.⁽¹⁶⁾*

4.8. Hòa hiệp là pháp môn tu luyện

Khi đạt được hòa với Thiên, Địa, Nhân thì sự hòa hiệp nội tại trong bản thân chúng ta đã đến đích. Thực sự thì sự hòa hiệp nội tại mới là gốc của hòa.

Khi đạt được hòa hiệp nơi thân tâm thì sự hòa hiệp bên ngoài sẽ theo đó mà thành. Có được sự hòa hiệp nội tại thì việc luyện đạo sẽ thành tựu.

Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế dạy:

*Hòa một thể với Cha được cứu
Hòa được rồi lên cứu trùng thiên*

⁽¹⁵⁾ *Đại Thừa Chơn Giáo*: 03-8 Bính Tý, bài “Hòa Hiệp”.

⁽¹⁶⁾ Thánh thất Thái Hòa, 02-9 Ất Mùi (Thứ Hai 17-10-1955).

*Hòa rồi bí pháp được truyền
Được hòa là được Phật Tiên ở lòng.*⁽¹⁷⁾

Khi “bí pháp” đã được truyền trao thì chỗ chứng đắc sẽ nhờ hòa mà có.

Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế dạy:

*Ai hòa được thẳng long giáng hổ
Hòa là nơi Tứ Tổ quy gia
Hòa xong mở các luân xa
Luân xa chuyển được, bửu tòa chung vui.*⁽¹⁸⁾

Như vậy, hòa là cội nguồn của đạo lý, giúp duy trì mối tương giao giữa con người với đất trời và vạn vật; hòa giúp người tu thành tựu trong pháp môn; hòa là chìa khóa mở cửa Bạch Ngọc Kinh.

Đức Diêu Trì Kim Mẫu dạy:

*Thủy chung bám sát chữ Hòa
Chữ Hòa tạo được bửu tòa ngày sau.*⁽¹⁹⁾

Đức Chí Tôn dạy:

*Hòa là một món báu linh
Là chìa khóa mở Ngọc Kinh bước vào.*⁽²⁰⁾

⁽¹⁷⁾ Trung Hưng Bửu Tòa, 01-01 Bính Thân (Chủ Nhật 12-02-1956).

⁽¹⁸⁾ Trung Hưng Bửu Tòa, 01-01 Bính Thân (Chủ Nhật 12-02-1956).

⁽¹⁹⁾ Thánh thất Thái Hòa, 15-9 Ất Mùi (Chủ Nhật 30-10-1955)

⁽²⁰⁾ Đại Thừa Chơn Giáo: 03-8 Bính Tý, bài “Hòa Hiệp”.

Tuy vậy, làm được chữ Hòa không hề đơn giản. Tu học không phải chỉ nói suông mà cần phải thực hành. Tánh phàm rất khó trị trên đường tu.

Đức Diêu Trì Kim Mẫu dạy:

*Ý riêng Trời ở không vừa
Không vừa vì trẻ đảo lưà tâm trung.*⁽²¹⁾

Nguyên do là bởi chúng ta dùng ý riêng khiến sự bất hòa phát sinh; rồi chúng ta bảo thủ ý kiến để cho mình đúng, mình là chân lý, bất kể ý kiến phàm phu của mình thật ra chỉ là một khía cạnh trong vô vàn khía cạnh.

Đức Bảo Pháp Chơn Quân Thanh Long dạy:

*Chơn lý có muôn màu muôn mặt
Dẫu Thánh Nhơn chưa chắc đủ đầy.*⁽²²⁾

5. Tạm kết

Hòa hiệp càng quý bao nhiêu thì càng khó thực hiện, khó giữ gìn bấy nhiêu.

Thầy dạy:

*Chữ Hòa há dễ làm đâu
Làm choặng ắt thoát bầu tử sanh.*⁽²³⁾

Tuy rằng khó, nhưng là người tu chúng ta hãy kiên trì,

⁽²¹⁾ Thánh thất Thái Hòa, 15-9 Ất Mùi (Chủ Nhật 30-10-1955).

⁽²²⁾ Trung Hưng Bửu Tòa, 08-01 Nhâm Tuất (Thứ Hai 01-02-1982).

⁽²³⁾ Đại Thừa Chơn Giáo: 03-8 Bính Tý, bài “Hòa Hiệp”.

quyết chí sửa mình từ xấu ra tốt, từ chỗ chưa lành đến chỗ hoàn thiện.

Đức Ngô Đại Tiên dạy:

Tu phải quyết, dùng dằng sao nữa

Tu phải toan gội rửa bọn đời

Nếu còn tu giỡn tu chơi

Thiên oai đến lúc kêu Trời uống công.⁽²⁴⁾

Đồng thời với tự lực tu sửa bản thân, người tu chúng ta hãy siêng chăm cầu nguyện ngô hầu luôn được nương tựa vào thần oai hộ trì của các Đấng thiêng liêng. Chỉ khi nào chúng ta nên đạo thì mới không phụ hồng ân Thầy Mẹ từ bi ân xá, ban bố cho chúng ta duyên lành hạnh ngộ chánh đạo Kỳ Ba giữa thời mạt kiếp.

LỜI NÓI NGƯỜI CÓ ĐẠO

Là một phương tiện giao tiếp, lời nói chiếm một phần quan trọng trong đời sống con người và có mặt trong mọi lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa... Tương tác lẫn nhau trong các lãnh vực như thế, con người không thể thiếu lời nói. Trong giao tiếp đời thường, con người vì thế được khuyên hãy biết khôn khéo, thận trọng về lời ăn tiếng nói. Chẳng hạn, ca dao có những câu như sau:

*- Đất tốt trồng cây rườm rà
Những người thanh lịch nói ra dịu dàng.*

*- Lời nói chẳng mất tiền mua
Lựa lời mà nói cho vừa lòng nhau.*

*- Người khôn ăn nói nửa chừng
Để cho người dại nửa mừng nửa lo.*

*- Người thanh tiếng nói cũng thanh
Chuông kêu chuông đánh bên thành cũng kêu.*

*- Nói lời phải giữ lấy lời
Đừng như con bướm đậu rồi lại bay.*

*- Rượu lạt uống lắm cũng say
Người khôn nói lắm dẫu hay cũng nhàm.*

⁽²⁴⁾ Phước Huệ Đàn, 16-3 Kỳ Hội (Thứ Năm 23-4-1959).

Theo các tôn giáo, lời nói có thể tạo nghiệp lành hay nghiệp dữ, và là khẩu nghiệp trong tam nghiệp (thân, khẩu, ý). Các tôn giáo đều có khá nhiều lời giáo huấn môn đồ hãy biết cẩn ngôn (cẩn thận lời ăn tiếng nói) vì con người rất dễ tạo nghiệp xấu mỗi khi mở miệng. Chẳng hạn:

– Thời Nhị Kỳ Phổ Độ

Đức Chúa Giê-su Ki-tô dạy:

“Không phải cái vào miệng làm cho con người trở nên ô uế, nhưng cái từ miệng xuất ra, cái đó mới làm cho con người trở nên ô uế.” (Mát-thêu 15:11)

Đức Chúa giải thích vì sao lời nói làm con người ô uế:

“Còn những cái gì từ miệng xuất ra, là phát xuất tự lòng, chính những cái ấy mới làm cho con người trở nên ô uế. Vì tự lòng phát xuất những ý định gian tà, những tội giết người, ngoại tình, tà dâm, trộm cắp, làm chứng gian, và vu khống. Đó mới là những cái làm cho con người trở nên ô uế...” (Mát-thêu 15:18-20)

Con người còn phải chịu trừng phạt về lời nói bất chánh của mình vào Ngày Phán Xét sau cùng. Chúa dạy:

“Tôi nói cho các người hay: Đến Ngày Phán Xét, người ta sẽ phải trả lời về mọi điều vô ích mình đã nói. Vì nhờ lời nói của anh mà anh sẽ được trắng án; và cũng tại lời nói của anh mà anh sẽ bị kết án.” (Mát-thêu 12:36-37)

– Thời Tam Kỳ Phổ Độ

Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế dạy:

*Thiệt là lưỡi, trước sau khó giữ
Thường tạo nhiều ưu lự thế gian
Uốn quanh ba tấc trong màn
Dở hay, thiện ác, dọc ngang đủ chiều.⁽¹⁾*

Trong tôn giáo, lời nói không chỉ là phương tiện giao tiếp giữa những người đồng tu, trong việc trao đổi hay truyền bá giáo lý, mà còn là một cầu nối (thông công) với các Đấng thiêng liêng qua việc cầu nguyện hay tụng kinh đọc kệ.

Do đó, tìm hiểu vai trò của lời nói trong đời sống tôn giáo là việc cần thiết để mỗi người đạo biết nhìn lại chính mình và sửa đổi hành vi của mình trên bước đường tu tập nhằm cải thiện bản thân và tiến hóa tâm linh.

1. Khái niệm

Lời nói là ngôn ngữ âm thanh dùng trong giao tiếp hằng ngày. Khi người nói và người nghe trao đổi trực tiếp với nhau, thông tin qua lời nói được tiếp nhận và phản ảnh tức thời tâm lý hay tình cảm người nói. Tuy nhiên, lời nói thường không được sàng lọc nên rất dễ sơ sót, phạm lỗi.

Giọng nói có thể cao hay thấp, nhanh hay chậm, mạnh hay yếu, liên tục hay ngắt quãng... Khi ta nói, ngữ điệu góp phần

⁽¹⁾ *Tam Thừa Chơn Giáo, Phẩm Trung Thừa: 01-10 Tân Sửu (Thứ Tư 08-11-1961).* Trong chữ Nho, “thiệt” là cái lưỡi; “khẩu thiệt” là miệng và lưỡi.

quan trọng để bộc lộ tình cảm và bổ sung thông tin.⁽²⁾

– Trong ngôn ngữ nói, ngoài sự kết hợp giữa âm thanh và ngữ điệu còn có nét mặt, ánh mắt, cử chỉ... của người nói để trợ giúp diễn đạt lời nói tốt hơn.⁽³⁾

– Từ ngữ trong ngôn ngữ nói được sử dụng đa dạng, với những từ mang tính địa phương (phương ngữ), tiếng lóng, biệt ngữ (thuật ngữ), từ cảm thán,⁽⁴⁾ v.v...

Vì những đặc điểm nói trên, người đạo chúng ta cần chú ý cách nói, giọng nói, và nội dung lời nói sao cho bộc lộ tình hòa ái, và tạo được lòng cảm mến của người nghe.

2. Lời nói trong việc hình thành tôn giáo

Tôn giáo hiện diện rất sớm trong đời sống nhân loại với vai trò kết nối con người với thế giới siêu nhiên. Khi khoa học phát triển rất cao, có một số nhà xã hội học nghĩ rằng tôn giáo sẽ bị loại ra khỏi đời sống nhân loại, nhưng vào thế kỷ 21, tôn giáo vẫn hiện diện trong cuộc sống của con người và chưa có dấu hiệu nào cho thấy tôn giáo sẽ cáo chung.

⁽²⁾ Người dùng tiếng Anh hiểu rất rõ tác dụng của ngữ điệu. Thí dụ, nói “*You are not happy.*” mà xuống giọng cuối câu thì chỉ là một nhận xét: *Anh không vui.* Nhưng chỉ cần lên giọng cuối câu thì lại trở thành câu hỏi: *Anh không vui hả?*

⁽³⁾ Chẳng hạn, khi nói với ai, hãy nhìn thẳng vào mắt người ấy. Đừng nên nói với ai mà lại ngó về hướng khác.

⁽⁴⁾ Thí dụ: 1/ Phương ngữ miền Trung: *chừ, mô, răng, rứa...* – 2/ Tiếng lóng: *Toang rồi!* (Hông bét rồi!)... – 3/ Biệt ngữ đạo Chúa: *giáo xứ* (tương tự *họ đạo* trong Cao Đài)... – 4/ Thán từ: *Ôi; chao ôi; hỡi ôi; than ôi; trời ơi...*

Các tôn giáo đều bắt đầu từ lời nói của Đấng khai sáng (là vị giáo chủ). Chẳng hạn, ba tôn giáo lớn sau đây:

2.1. Ấn Độ Giáo

Ấn Độ Giáo (tôn giáo của người Ấn Độ) được hình thành trên nền tảng một số bộ kinh tối cổ, trong đó có *Upaniṣad*.

Kinh *Upaniṣad* xuất hiện rất sớm, có thể là hàng ngàn năm trước Công Nguyên,⁽⁵⁾ lúc ở Ấn Độ chưa hình thành chữ viết. Vậy, *Upaniṣad* đã được khẩu truyền hàng ngàn năm trước khi được kết tập thành sách. *Upaniṣad* bao gồm tất cả tri thức của người Ấn thời cổ về vũ trụ và con người. Cho đến nay, kinh này vẫn còn ảnh hưởng sâu sắc đến văn hóa Ấn Độ.

Cái tên *Upaniṣad* rất đáng lưu tâm: *Upaniṣad* gồm có: *upa-ni + ṣad*. Trong đó, “*upa-ni*” là đến gần và hạ mình xuống; “*ṣad*” là ngồi. Như vậy, *Upaniṣad* có nghĩa là “đến gần và ngồi xuống” bên cạnh đạo sư để nghe dạy.⁽⁶⁾

Từ đây chúng ta có thể hình dung được sự hình thành của *Upaniṣad* thông qua những buổi nói chuyện (khẩu truyền) và lời nói là phương tiện truyền đạt của đạo sư.

2.2. Phật Giáo

Lúc vừa đắc quả Phật, ngồi ở gốc cây ajapala (tương tự cây đa) bên bờ sông Ni Liên Thiên (một nhánh sông Hằng), Đức Phật đã do dự về việc truyền bá cho người đời đạo pháp

⁽⁵⁾ Các từ điển bách khoa ghi chép không giống nhau.

⁽⁶⁾ <https://vi.wikipedia.org/wiki>. (Mục từ *Áo nghĩa thư*.)

giải thoát mà Phật tự chứng đắc. Một vị Phạm Thiên ở cõi trời liền hiện ra cầu thỉnh Phật truyền đạo. Sau ba lần được cầu thỉnh, Đức Phật đồng ý và tuyên bố: *“Cửa Vô Sanh Bất Diệt đã rộng mở cho chúng sanh. Hãy để cho ai có tai muốn nghe đặt trọn niềm tin tưởng!”*⁽⁷⁾

Như vậy, có những người “muốn nghe” và phải có Phật “nói”. Thời ấy, chưa có kinh Phật thì Phật truyền đạo bằng lời nói (thuyết pháp). Trong biết bao người nghe pháp duy có tôn giả A Nan ghi nhớ trọn vẹn, và lúc đọc lại để chép thành kinh thì ngài A Nan luôn mở đầu mỗi pho kinh với câu: *“Như thị ngã văn.”* (Tôi nghe như vậy.) Câu này hàm ngụ: “Phật nói như vậy.”

2.3. Công Giáo

Tiếng Việt gọi địa vị (chức vị) và quyền hành của nhà vua là “ngôi”, nên ta nói “lên ngôi”, “ngôi cửu ngũ (ngôi vua)”, “thái tử nối ngôi vua cha”... Lời nói thiêng liêng của Thiên Chúa (Đức Chúa Trời) được Công Giáo gọi là “Ngôi Lời”. Phúc Âm (Kinh Thánh Tân Ước) chép: *“Ban đầu có Ngôi Lời, Ngôi Lời ở cùng Đức Chúa Trời, và Ngôi Lời là Đức Chúa Trời.”* (Gio-an 1:1) Lại nữa, trong Thiên Chúa Ba Ngôi thì Ngôi Lời là “Ngôi Hai”.

Công Giáo gọi những vị được Chúa chọn và sai đi để truyền bá lời Chúa là “ngôn sứ”. Theo Kinh Thánh Cựu Ước,

⁽⁷⁾ Narada, *Đức Phật Và Phật Pháp*. Phạm Kim Khánh dịch. Chương 5 (Cung Thỉnh Đức Phật Truyền Bá Pháp), Nxb Tổng Hợp Tp.HCM, 2019, tr. 41.

Giê-rê-mi-a, I-sai-a, hay Ê-giê-ki-en, v.v... là các vị ngôn sứ có ảnh hưởng rất lớn nơi triều đình hoặc trong đời sống xã hội cũng như tôn giáo của người Do Thái (tức Do Thái Giáo). Phúc Âm mô tả Đức Chúa Giê-su như một Ngôn Sứ rao giảng lời của Thiên Chúa (Lu-ca 5:1).

Theo Phúc Âm, khi Đức Giê-su trở về thăm quê nhà là Na-da-rét, có các môn đệ đi theo. Nhưng những người đồng hương của Chúa không hề có chút đức tin và Chúa đã không thể làm được phép lạ nào tại quê nhà ngoại trừ việc chữa lành cho vài người bệnh (Mác-cô 6:5). Trước khi rời đi qua các làng khác, Chúa bảo: *“Ngôn sứ có bị rẻ rúng, thì cũng chỉ là ở chính quê hương mình, hay giữa đám bà con thân thuộc, và trong gia đình mình mà thôi.”* (Mác-cô 6:4) Khi nói như thế, Chúa hàm ngụ rằng Ngài là một Ngôn Sứ.

Theo nguyên ngữ, “ngôn” là “lời” và “sứ” là “được sai đi”. Hai thuật ngữ “ngôn sứ” và “Ngôi Lời” của Công Giáo cho thấy lời nói là thiêng liêng và hoàn toàn không thể thiếu trong sự truyền bá giáo lý và hình thành tôn giáo.

3. Vài nét khái quát về công trình tu tập “cẩn ngôn” của người đạo Cao Đài

Dân gian có lời khuyên chúng ta hãy dè dặt, dẫn đo trước khi mở miệng: *“Uốn lưỡi bảy lần trước khi nói.”* Trong kinh điển và thánh giáo Cao Đài, Ông Trên dạy nhiều về công trình tu tập bằng cách cẩn thận giữ gìn lời nói (cẩn ngôn). Để cẩn ngôn, người môn đệ Cao Đài cần ý thức thực hành một số nguyên tắc tạm kể như sau:

3.1. Tránh thị phi

Thị phi là phải và trái (đúng và sai); do đó còn có nghĩa là lời bình phẩm, khen chê.

Mỗi sự việc, hiện tượng đều có thể nhìn nhận từ nhiều góc cạnh khác nhau; mỗi góc cạnh là một quan điểm và thường mang tính cách phiến diện (không toàn diện). Là người phạm tánh tục, chúng ta chưa có được cái nhìn “như thị” về mọi sự vật, hiện tượng. Quan điểm của chúng ta chắc chắn khó có thể là chân lý để ứng dụng được trong mọi trường hợp. Tuy nhiên, chúng ta vẫn hay muốn đánh giá mọi thứ theo quan điểm của mình, và chúng ta luôn cho rằng mình đúng.

Thánh giáo Cao Đài vì vậy khuyên người tu dứt bỏ thị phi. Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế dạy:

*Người nào còn thị còn phi
Thì Thầy cũng phải xa đi cho rồi.⁽⁸⁾*

Đức Vô Cực Từ Tôn dạy:

*Có thể đui thì đui với tục
Câm được thì câm phứt thị phi.⁽⁹⁾*

Miệng lưỡi hay nói thị phi là thói quen của rất nhiều người. Lời thị phi khó đem lại điều gì tốt đẹp bởi vì nó thiếu tính xây dựng, gây tổn thương cho người bị chê bai, gây chia rẽ trong cộng đồng, gây hiểu lầm giữa nhau, và nhất là làm

⁽⁸⁾ Trung Hưng Bửu Tòa, 01-01 Bính Thân (Chủ Nhật 12-02-1956).

⁽⁹⁾ Trung Hưng Bửu Tòa, 15-8 Nhâm Dần (Thứ Năm 13-9-1962).

mất sự thanh tịnh của người tu.

Đức Bảo Thọ Thánh Nương dạy:

*– Ai còn lắm tiếng nhiều lời
Thì con ma chướng, chiều moi sẽ gần.*

*– Ai còn có tính khen chê
Thị phi danh lợi, khó bề tu đôn.⁽¹⁰⁾*

Hằng ngày người tín hữu Hội Thánh Truyền Giáo Cao Đài đọc *Kinh Hôm* để tự nhắc nhở bản thân:

*Ngày xưa những việc thị phi
Nay con dứt sạch dù chi mưa hiềm.*

Dĩ nhiên lời kinh tiếng kệ chỉ là nhắc nhở; những khi giao tiếp trong cuộc sống hằng ngày, mỗi người hãy luôn tỉnh giác, dè dặt mới mong khỏi nói lời thị phi.

3.2. Tịnh khẩu

*Lời ăn nói là nơi lưỡi miệng⁽¹¹⁾
Tiếng luận đàm liệu biện đề phòng
Giữ gìn miệng đặng sạch trong
Thốt lời minh chánh rên lòng tụng kinh.
(Tịnh Khẩu Chú)*

Người tín hữu Hội Thánh Truyền Giáo Cao Đài đọc *Tịnh Khẩu Chú* trước mỗi giờ tu châu. Việc tịnh khẩu liên quan sự thanh tịnh trong mỗi giờ công phu. Theo pháp tu Tiên, việc

⁽¹⁰⁾ Trung Hưng Bửu Tòa, 13-3 Canh Tý (Thứ Sáu 08-4-1960).

⁽¹¹⁾ Bản gốc của Minh Lý Đạo: *Lời ăn nói là nơi **lỗ** miệng.*

tịnh khẩu liên quan sự dưỡng khí; nói nhiều thì tổn khí, mà khí là một trong tam bửu.

3.3. Nói lời minh chánh

*Gìn lòng ngay thẳng thật thà
Nói năng minh chánh, lời ra phải nhìn.
(Kinh Sám Hối)*

“Nói năng minh chánh” là dùng lời chơn chánh; “lời ra phải nhìn” là phải cẩn ngôn, suy xét trước những lời nói ra, và chịu trách nhiệm cho lời mình nói.

3.4. Bất vọng ngữ

Trong ngũ giới cấm có giới cấm thứ năm là bất vọng ngữ, được *Tân Luật* giải thích như sau:

“Ngũ bất vọng ngữ là cấm xảo trá láo xược, gạt gẫm người, khoe mình, bày lỗi người, chuyện quấy nói phải, chuyện phải thêu dệt ra quấy, nhạo báng, chê bai, nói hành kẻ khác, xúi giục người hờn giận, kiện thưa xa cách, ăn nói lỗ mồm, thô tục, chưởi rủa người, hủy báng tôn giáo, nói ra không giữ lời hứa.”⁽¹²⁾

Chúng ta có thể tìm hiểu thêm một số chi tiết được nêu ra trong điều luật dẫn trên như sau:

– Về những lời “xảo trá, gạt gẫm”, *Kinh Sám Hối* gọi là “quyệt ngữ” (lời nói quý quyệt) và răn cấm:

⁽¹²⁾ *Tân Luật*, Đạo Pháp, Chương IV, Điều Thứ Hai Mươi Mốt.

*Chớ quyệt ngữ mà khinh kẻ đại,
Đừng gian mưu hãm hại người hiền.*

– Về những lời “láo xược”, “ăn nói lỗ mồm thô tục, chưởi rủa”, *Kinh Sám Hối* khuyên:

*Phải cho biết kính vì trên trước
Đừng buông lời lẩn lút hồ đồ.*

– Về những lời “khoe mình”, *Kinh Sám Hối* nhắc nhở:

Giúp cho người chớ vội khoe ra.

– Về những lời “thêu dệt”, Lê Sơn Thánh Mẫu khuyên:

*Cũng đừng có thêu hình dệt bóng
Xúi giục người tánh nóng giận lây
Lỗi người đâm điểm quấy rầy
Ít mà sanh chuyện nói trây ra nhiều.⁽¹³⁾*

– Về những lời “hủy báng tôn giáo”, *Kinh Sám Hối* khuyên:

*Làm người phải kính thờ Thần Thánh
Giữ lời nguyện tâm tánh tưởng tin.*

– Về việc “nói ra không giữ lời hứa”, *Kinh Sám Hối* khuyên:

*Chừa thói xấu đảo điên trong dạ
Muôn việc chi chẳng khá sai lời
Đối người nào khác đối Trời...*

Người đạo không giữ được giới cấm bất vọng ngữ thì dù

⁽¹³⁾ *Tam Thừa Chơn Giáo*, phẩm *Tiểu Thừa*: 17-8 Canh Tý (Thứ Sáu 07-10-1960).

sống ngoài đời hay trong đạo họ đều thất bại, và bị xa lánh.

Đức Lê Sơn Thánh Mẫu dạy:

*Hay vọng ngữ là nuôi thất tín
Mất người tin khó định lập thân
Khoe khoang láo xược ai gần
Siểm gheim bịa đặt xa lìa đệ huynh.*⁽¹⁴⁾

4. Tạm kết

Dù vô tình hay hữu ý thì lời nói có thiện có ác, nhưng con người có quyền lựa chọn lời nói cho mình. Là người tu học, chúng ta phải ý thức rằng hãy có trách nhiệm với mọi lời nói mà mình thốt ra. Một lời nói ra giống như mũi tên bắn đi, không thể thu hồi được; do đó, cẩn trọng với lời nói thì không bao giờ thừa. Không những tránh tạo khẩu nghiệp do ác ngữ mà chúng ta còn phải cố gắng nói ra những điều đem lại lợi ích cho mình và cho người. Để làm được điều này, chúng ta phải tỉnh giác với bản thân mình. Nhiều khi vì chịu ảnh hưởng của thói quen, của xã hội tác động nên chúng ta dễ buông lung lời nói. Có thể chúng ta cẩn ngôn được ở chỗ này, trong lúc này nhưng rồi lại dễ duôi tại chỗ khác, vào lúc khác. Những lúc mất bình tĩnh (nóng giận) thì chúng ta càng dễ buông ra những lời nói rất đáng tiếc, không đúng với tác phong đạo hạnh của người tu.

Tóm lại, từng lời, từng câu nói thốt ra cửa miệng người

⁽¹⁴⁾ *Tam Thừa Chơn Giáo, phẩm Tiểu Thừa: 17-8 Canh Tý (Thứ Sáu 07-10-1960).*

đạo phải rán giữ gìn sao cho được chơn chánh, sao cho phản ảnh trung thực đạo hạnh của người tu tập sâu dày công trình rèn luyện theo chánh pháp Cao Đài.

Đức Bảo Nguơn Chơn Tiên ban cho chúng ta một lời khuyên dạy mà chúng ta cần ghi nhớ nằm lòng, vì đây là khuôn vàng thước ngọc, là quy tắc chuẩn mực của mọi môn đệ Cao Đài:

“Vây muốn làm xong sự vụ, để tái tạo cuộc đời là phải ân cần dè dặt, cẩn thận từ việc, từ lời. Lời thốt ra phải được hoẵng pháp lợi sanh; bằng vô ích, dẫu ai có mua bạc vạn tiền muôn cũng không mở miệng.”⁽¹⁵⁾

⁽¹⁵⁾ Tịnh Đường, 08-02-Nhâm Dần (Thứ Sáu 11-5-1962).

PHÁP MÔN LẠY TRONG ĐẠO CAO ĐÀI

Lạy là hình thức tu tập khá phổ biến ở mọi tôn giáo. Lạy là thể hiện lòng tôn kính đối với các Đấng thiêng liêng. Sự phối hợp giữa lạy với tập trung tư tưởng (chú ý) và hồi hướng (chuyển di tư tưởng lành) trong nghi lễ tôn giáo có thể xem như một pháp môn giúp chuyển hóa thân tâm người tu.

Trong đạo Cao Đài, nghi thức lạy được Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế giảng dạy các vị tiên khai vào ngày 13-01 Bính Dần (Thứ Năm 25-02-1926), tức là chín tháng trước lễ Khai Minh Đại Đạo, ngày 15-10 Bính Dần (Thứ Sáu 19-11-1926) tại chùa Gò Kén (làng Long Thành, tỉnh Tây Ninh).

1. Định nghĩa pháp môn lạy:

Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế dạy:

“Lạy là gì? Là tỏ ra bề ngoài lễ kính trong lòng.”⁽¹⁾

Pháp môn là phương pháp; cách thức tu tập; cái cửa đưa người tu bước vào giác ngộ, giải thoát.

Trong tu tập hàng ngày, pháp môn lạy mang lại những lợi ích làm nền tảng cho người tu vững bước trên tiến trình

⁽¹⁾ *Thánh Ngôn Hiệp Tuyển*, quyển I: 13-01 Bính Dần (Thứ Năm 25-02-1926).

chuyển hóa thân tâm nhằm đạt được mục đích cuối cùng là giải thoát khỏi sanh tử luân hồi.

Có thể nói rằng pháp môn lạy hầu như “vô phân biệt” vì có thể áp dụng cho phần đông mọi người,⁽²⁾ không bị giới hạn bởi tuổi tác, trình độ, giới tính, v.v...

Pháp môn lạy đem lại lợi ích cho cả thân và tâm.

Đức Chí Tôn dạy về ích lợi của lễ bái:

Thân lễ bái kính nhường trên trước

Thân tụ tu lóng trước thành thanh

Luyện thân nhứt chỉ nhứt hành

Hiệp cơ thần khí chuyển sanh tánh hài.⁽³⁾

Đối với người tín đồ Cao Đài, pháp môn lạy được thực hành trong mọi thời cúng; tuy nhiên, có lẽ phần lớn tín đồ chưa nhận ra giá trị ẩn tàng trong pháp môn lạy.

2. Ý nghĩa của pháp môn lạy

2.1. *Quy ngưỡng* (quy mạng kính ngưỡng, tức là quy y kính lễ các Đấng thiêng liêng)

Lạy là bày tỏ lòng vô cùng tôn kính đối với các Đấng thiêng liêng. Lạy là thể hiện sự toàn tâm, toàn ý vâng phục các Đấng.

⁽²⁾ Thực ra, người quá già yếu, hay người khuyết tật về các chi thì không thể quỳ lạy được.

⁽³⁾ *Tam Thừa Chơn Giáo, Phẩm Trung Thừa*: 01-10 Tân Sửu (Thứ Tư 08-11-1961).

2.2. Sám hối

Khi biết rõ những lỗi lầm của mình có thể tưng kinh và quỳ lạy để bày tỏ lòng sám hối và nguyện chừa bỏ lỗi lầm. Thực hành thường xuyên có thể chuyển hóa thân tâm nhờ sự giải nghiệp do cầu nguyện và thành tâm.

2.3. Cầu nguyện

Cầu nguyện là bày tỏ tâm tư, ước nguyện của chúng ta cũng như hồi hướng tư tưởng lành đến người khác (cá nhân hoặc tập thể). Khi cầu nguyện, chúng ta thường quỳ trước Thiên bàn, ảnh tượng, hoặc có thể hướng tâm đến Đấng mà chúng ta tôn kính để cầu xin Đấng ấy trợ lực, giúp cho ước nguyện chính đáng của chúng ta được kết quả. Quỳ lạy kết hợp với cầu nguyện để thể hiện tâm thành, lòng tha thiết.

*Lòng thành như thiết như tha
Lòng thành cảm ứng liên tòa chứng minh.⁽⁴⁾*

2.4. Hành thiền

Lạy còn là hành thiền, kết hợp thân, khẩu, ý. Lúc đó, miệng tụng đọc, thân cúi lạy, ý tập trung vào câu niệm. Sự kết hợp này mang lại nhiều lợi ích về thể chất (thân) cũng như tinh thần (tâm).

2.5. Buông bỏ ngã mạn

Ngã mạn là lòng cao ngạo do chấp ngã mà phát sinh.

⁽⁴⁾ Thánh thất Định Tường, *Kinh Nhựt Thời*. Sài Gòn: Nhà in Xưa Nay, 1932, tr. 25: “Kính Lạy Đức Quan Âm”.

Những người cao ngạo luôn tự tôn, tự cho họ quan trọng hơn hết, giá trị hơn hết, tài giỏi hơn hết (dân gian nói vui là “cái rún của vũ trụ”); thế nên họ không sẵn sàng chấp nhận những quan điểm hay ý kiến của người khác.

Cùng với tam độc (tham, sân, si), ngã mạn là cản trở lớn cho người tu trên con đường hoàn thiện bản thân (sửa méo ra tròn, chuyển mê thành giác, v.v...).

Lạy là bày tỏ lòng vâng phục, buông bỏ ngã mạn. Hành vi cúi lạy cần thực hiện với tâm thành mới đem lại kết quả.

3. Pháp môn lạy trong Cao Đài Giáo

3.1. Thánh giáo dạy về nghi thức lạy

Nghi thức lạy được Thầy giảng dạy tiên khai Lê Văn Trung vào ngày 13-01 Bính Dần (Thứ Năm 25-02-1926):

“Trung! Vô giữa bái lễ cho Thầy coi.

Con làm lễ trúng, song mỗi gật con nhớ niệm câu chú của Thầy: Nam mô Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát.

(...)

Khi bái lễ, hai tay con chấp lại, song phải để tay trái ấn Tý, tay mặt ngửa ra nằm dưới, tay trái chụp lên trên.”⁽⁵⁾

Sau đó, cùng đàn cơ ấy, Thầy dạy tiếp về nghi thức lạy:

“Chấp hai tay lạy là tại sao? Tả là nhựt, hữu là nguyệt, vị chi âm dương. Âm dương hiệp nhứt phát khởi càn khôn, sanh

⁽⁵⁾ Xem ảnh trang sau. (Ngày nay chấp tay bắt ấn Tý khác hơn.)



Tây Ninh 1930. Ảnh: Walter Bosshard (1892-1975)



Bàn tay trái bắt ấn Tý đặt lên lòng bàn tay phải ngửa ra.
(Đúng như cách Đức Chí Tôn dạy ngày 25-02-1926.)

sanh hóa hóa, tức là Đạo.

Lạy kẻ sống hai lạy là tại sao? Là nguồn cội của non sanh lưỡng hiệp âm dương mà ra. Ấy là Đạo.

Vong phàm lạy bốn lạy là tại sao? Là vì hai lạy của phần người, còn một lạy Thiên, một lạy Địa.

Lạy Thần, lạy Thánh ba lạy ⁽⁶⁾ là tại sao? Là lạy Đấng vào hàng thứ ba của Trời và cũng chỉ rằng lạy Tinh, Khí, Thần hiệp nhưt. Ấy là Đạo.

Lạy Tiên, lạy Phật chín lạy ⁽⁷⁾ là tại sao? Là tại chín Đấng cứu thiên khai hóa.

Còn lạy Thầy mười hai lạy ⁽⁸⁾ là tại sao?

Các con không hiểu đâu.

Thập nhị khai thiên là Thầy, Chúa cả càn khôn thế giới, nắm trọn thập nhị thời thần vào tay. Số mười hai là số riêng của Thầy.”

3.2. Cách lạy theo Hội Thánh Truyền Giáo Cao Đài

Cách lạy được hướng dẫn trong *Kinh Tận Độ* của Hội Thánh Truyền Giáo Cao Đài như sau:

Trước hết, tay trái bắt ấn Tý (đầu ngón cái ấn vào đốt cuối ngón áp út) và nắm lại. Bàn tay mặt áp ngoài, ngón cái tay

⁽⁶⁾ Hiểu ngầm là mỗi lạy không có gật.

⁽⁷⁾ Hiểu ngầm là ba lạy, mỗi lạy ba gật.

⁽⁸⁾ Hiểu ngầm là ba lạy, mỗi lạy bốn gật.

mặt xỏ vào giữa ngón cái và ngón trỏ tay trái.⁽⁹⁾ Chắp tay như vậy đưa lên trán xá xuống ba xá. Quỳ xuống (chân trái đưa tới, chân phải quỳ trụ xuống trước, chân trái rút về quỳ theo, hai bàn chân xếp xuôi về sau, hai gót chân khít nhau).

Buông tay sửa y phục, rồi đưa tay lên chính giữa trán, niệm: “NAM MÔ PHẬT.” Đưa tay qua cuối chân mày trái, niệm: “NAM MÔ PHÁP.” Đưa tay qua cuối chân mày phải, niệm: “NAM MÔ TĂNG.” Đưa tay về giữa trán, xá, niệm: “NAM MÔ CAO ĐÀI TIÊN ÔNG ĐẠI BỒ TÁT MA HA TÁT.”

Rồi để tay tại ngực, cúi đầu niệm:

“NAM MÔ TAM GIÁO, TAM TRẦN.” (cúi đầu)

“NAM MÔ CHƯ PHẬT, TIÊN, THÁNH, THẦN.” (cúi đầu)

Lạy Thượng Đế ba lạy. Mỗi lạy gật đầu bốn cái. Như vậy ba lạy là mười hai gật. Mỗi gật niệm: “NAM MÔ CAO ĐÀI TIÊN ÔNG ĐẠI BỒ TÁT MA HA TÁT.”

Lạy chư Phật, Tiên, Thánh, Thần [ba lạy]. Mỗi lạy ba gật. Ba lạy là chín gật. Mỗi gật đều niệm danh hiệu từng vị theo bài kinh.

Lạy xuống (hai bàn tay trái úp sấp sát nền, ngón tay cái phải gác chéo lên ngón cái tay trái, trán sát bàn tay, mũi sát gót chân).⁽¹⁰⁾

⁽⁹⁾ Đầu ngón cái tay phải bấm dưới chân ngón trỏ trái (cung Dần).

⁽¹⁰⁾ Kinh Tận Độ (bản in 1995), tr. 16-17.

Xét về lợi ích do vận động thân thể thì cách quỳ lạy như hướng dẫn trên đây của Hội Thánh Truyền Giáo Cao Đài vận dụng được hầu hết các cơ, khớp toàn thân, ngoại trừ vùng cẳng (từ đầu gối xuống đến cổ chân), và bàn chân.

3.3. Bốn cách lạy

3.3.1. Cách lạy không hòa hợp thân và tâm

Người lạy không làm đúng các chi tiết (như hướng dẫn trong nghi thức lạy), không chú tâm theo câu niệm, lòng không chí thành hướng về các Đấng thiêng liêng.

3.3.2. Cách lạy đạt về tâm nhưng không đạt về thân

Người lạy để tâm theo câu niệm và lòng chí thành hướng về các Đấng thiêng liêng, nhưng không làm đúng các chi tiết (như hướng dẫn trong nghi thức lạy; thí dụ: trán không chạm sát vào hai bàn tay, mũi không sát hai gót chân).

3.3.3. Cách lạy đạt về thân nhưng không đạt về tâm

Người lạy làm đúng các chi tiết (như hướng dẫn trong nghi thức lạy), nhưng không chú tâm theo câu niệm, lòng không chí thành hướng về các Đấng thiêng liêng.

NHẬN XÉT: 1/ Theo hướng dẫn trên đây (cũng như bản in 1992, tr. 15), thì lạy chư Thánh, Thần cũng y như lạy chư Phật, Tiên là *ba lạy, chín gật* (khác với lời dạy trong thánh ngôn năm 1926 là lạy chư Thánh, Thần *ba lạy, không gật*. Trong bản kinh 1956 của Hội Thánh Truyền Giáo Cao Đài thì ghi “*Phật, Tiên, Thánh lạy ba lạy chín gật*” (tr. 8), và không ghi lạy Thần. – 2/ Khi niệm danh hiệu Thầy thì bản in 1956 ghi “*để tay nơi ngực*” (giống bản in 1992, tr. 15); bản in 1995 ghi để tay “*giữa trán*”.

3.3.4. Cách lay đạt được thân tâm hòa hợp

Người lay làm đúng các chi tiết (như hướng dẫn trong nghi thức lay), chú tâm theo câu niệm, lòng chí thành hướng về các Đấng thiêng liêng.

Trong bốn cách lay trên, chỉ riêng cách thứ tư mới có thể đem lại diệu dụng cho thân và tâm người thực hành pháp môn lay.

3.4. Ý nghĩa trong pháp môn lay

3.4.1. Ấn Tý

Ấn Tý có công dụng định thần, trừ tà ma. Ấn Tý còn gọi là Kim Cang ấn vì có công dụng hội tụ chân khí, tạo thăng bằng tâm linh, và ngăn không cho các ma lực (kể cả tà khí) xâm nhập.

Khi bắt ấn Tý và chấp tay, hàm ngụ ý nghĩa như sau:

– Đầu ngón tay cái dè vào gốc ngón vô danh (cung Tý); có câu: “*Thiên khai ư Tý.*” Đầu ngón cái tay phải bấm dưới chân ngón trỏ trái (cung Dần); có câu: “*Nhân sanh ư Dần.*” Vậy, lúc chấp tay với bàn tay phải ôm lấy bàn tay trái đang bắt ấn Tý thì đây là hình tượng “*Thiên nhân hiệp nhất*” trong khi hành lễ trước Thiên bàn.

– Khi đầu ngón tay cái ấn vào cung Tý, bốn ngón kia quặp lại ôm lấy ngón cái, thì lòng thứ nhứt ngón cái tay trái áp sát gốc ngón giữa tay trái (cung Sửu); có câu: “*Địa tịch ư Sửu.*” Vậy, lúc bắt ấn Tý và chấp tay hành lễ thì gồm trọn đủ “tam

tài” (*thiên-địa-nhân*); cuộc lễ từ cõi người (*nhân*) thông thấu càn khôn thế giới (*thiên địa*).

– Bàn tay trái (*đương*: cương cường) được bàn tay phải (*âm*: nhu mềm) bao bọc. Hình tượng này nhắc nhở người tu giữ gìn ý chí đồng mãnh và lòng dạ sắt đá với chánh pháp (không lay chuyển trước mọi trở ngại), nhưng lại thể hiện ra bên ngoài dáng vẻ hiền hòa, dịu dàng, nhu thuận. Đó cũng là lời Thầy khuyên:

“*Các con hiền mà dữ. Các con yếu mà mạnh. Các con nhỏ nhoi mà là quyền thế. Các con nhịn nhục mà các con hành phạt.*”⁽¹¹⁾

3.4.2. Cách xá

Trước khi lay, người hành lễ bắt ấn Tý, rồi bước vào chỗ quỳ. Hai tay đang bắt ấn Tý nâng lên trán, rồi từ từ đưa xuống hạ đơn điền (dưới rún khoảng ba đốt ngón tay), sau cùng đưa lên để trước ngực là hoàn thành một xá.

– Ở trán: Tượng trưng cho trời (*thiên*).

– Ở hạ đơn điền: Tượng trưng cho đất (*địa*).

– Ở ngực: Tượng trưng cho người (*nhân*).

Như vậy, với một xá, người hành lễ đã làm một nghi thức nối kết “tam tài” (*thiên, địa, nhân*). Ấn ý là nhắc nhở người hành lễ phải để tâm buông xả ngã hữu hòa đồng cùng trời đất mới đem lại diệu dụng khi thực hành pháp môn lay.

⁽¹¹⁾ *Thánh Ngôn Hiệp Tuyển*, quyển I: 23-8 Bính Dần (Thứ Tư 29-9-1926).

3.4.3. Cách quỳ

Chân trái bước tới trước gọi là tiến đạo. Dùng chân phải để trụ gọi là nương tựa đời để tiến đạo.

3.4.4. Thỉnh Thánh

Khi đã quỳ xuống, người hành lễ chấp tay thỉnh Thánh theo hướng dẫn trong *Kinh Tận Độ* (bản in 1995 của Hội Thánh Truyền Giáo Cao Đài) như sau:

(Đ)ưa tay lên chính giữa trán, niệm: "NAM MÔ PHẬT." Đưa tay qua cuối chân mày trái, niệm: "NAM MÔ PHÁP." Đưa tay qua cuối chân mày phải, niệm: "NAM MÔ TĂNG." Đưa tay về giữa trán, xá, niệm: "NAM MÔ CAO ĐÀI TIÊN ÔNG ĐẠI BỒ TÁT MA HA TÁT."

Rồi để tay tại ngực, cúi đầu niệm:

"NAM MÔ TAM GIÁO, TAM TRẤN." (cúi đầu)

"NAM MÔ CHƯ PHẬT, TIÊN, THÁNH, THẦN." (cúi đầu)

– *Nam mô*: Tiếng Sanskrit là "Namah", nghĩa là quy y hay quay về nương tựa tam bảo (Phật, Pháp, Tăng). Người tu cần phải nương tựa tam bảo trong suốt quá trình tu học.

– *Nam mô Phật*: Là nương tựa vào Thượng Đế Cao Đài.

– *Nam mô Pháp*: Là nương tựa vào luật pháp nhà Đạo (gồm *Pháp Chánh Truyền, Tân Luật*, nội luật hay quy chế Hội Thánh, nội luật hay quy chế nhà tu, v.v...), cũng là nương tựa vào pháp môn và giáo pháp (gồm kinh điển, thánh ngôn, thánh giáo).

– *Nam mô Tăng*: Là nương tựa vào chư chức sắc, chức việc, các bậc hướng đạo (vâng theo sự chỉ dẫn của các vị này), và nương tựa vào đồng đạo (cùng nhau chia sẻ kinh nghiệm và giúp đỡ nhau trên hành trình tu tập). Tục ngữ có câu: "*Ăn cơm có canh; tu hành có bạn.*"

3.4.5. Cách chấp tay và xòe hai bàn tay

Khi bắt ấn Tý và chấp tay: Hai nắm tay tạo hình quả cầu giống như quả Càn Khôn thu nhỏ với biểu tượng *Thái Cực* (như quả Càn Khôn ở Bát Quái Đài của Trung Hưng Bửu Tòa).

Khi mở tay ra: Tay trái thuộc dương; tay phải thuộc âm. Vậy là tượng trưng *Lưỡng Nghi* (âm và dương).

Khi lạy xuống, hai ngón cái gác chéo tạo hình dấu cộng (+); bốn nhánh của dấu cộng tượng trưng *Tứ Tượng*. Tám ngón tay xòe ra tượng trưng *Bát Quái*.

Lạy như diễn tả trên đây (Thái Cực sanh Lưỡng Nghi, sanh Tứ Tượng, sanh Bát Quái), thì diễn trình này tượng trưng cơ sanh hóa của vũ trụ. Đây là chiều "*Nhất tán vạn*", chiều "*Đại Đạo phát sinh Tam Giáo Đạo*", gọi tắt là chiều "*oát*" (ly tâm).

Khi chấp tay lại và ngẩng đầu lên: Là từ Bát Quái trở về với Thái Cực, tượng trưng dòng nghịch chuyển của người tu (phản bốn hoàn nguyên), từ vạn hữu quay về hội hiệp cùng Ngôi Một (Thượng Đế). Đây là chiều "*vạn quy Nhất*", chiều "*Tam Giáo Đạo trở về nguồn gốc Đại Đạo*", gọi tắt là chiều "*triền*" (hướng tâm).

Trong một thời cúng, người hành lễ cúi lạy và ngẩng lên nhiều lần; tức là hai chiều “oát” và “triền” lặp lại nhiều lần. Như thế tức là “oát triền vô biên” (như câu kinh trong bài *Ngọc Hoàng Thiên Tôn Bửu Cáo*).

4. Lạy dưới góc nhìn đạo học

4.1. Tam nghiệp thanh tịnh

– Trong pháp môn lạy Cao Đài có sự kết hợp *thân-khẩu-ý* (quỳ lạy, tụng niệm, hồi hướng). Như vậy, mỗi khi thực hành pháp môn lạy tức là người tu đang rèn tập cho tam nghiệp thanh tịnh, miễn là đừng mắc phải lỗi lầm như lời Đức Vạn Hạnh Thiền Sư cảnh báo:

*Miệng thì tụng đọc câu kinh
Mà lòng lại có ẩn tình đầu đầu.⁽¹²⁾*

4.2. Khía cạnh huyền học (mysticism)

Trong thánh giáo ngày 13-01 Bính Dần (Thứ Năm 25-02-1926), Thầy dạy:

– “*Chấp hai tay lạy là tại sao? Tả là nhật, hữu là nguyệt, vị chi âm dương. Âm dương hiệp nhất phát khởi càn khôn, sanh sanh hóa hóa, tức là Đạo.*”

Vậy, khi chấp tay lạy, chúng ta nhớ ơn tạo hóa của Thầy.

– “*Lạy kẻ sống hai lạy là tại sao? Là nguồn cội của Nhơn sanh lưỡng hiệp âm dương mà ra. Ấy là Đạo.*”

⁽¹²⁾ Minh Lý Thánh Hội, 08-4 Canh Tuất (Thứ Ba 12-5-1970).

Vậy, khi lạy người sống (như cha mẹ), chúng ta nhớ đến Đạo là nguồn gốc phát sinh vạn vật.

– “*Lạy Thần, lạy Thánh ba lạy là tại sao? Là lạy Đấng vào hàng thứ ba của Trời và cũng chỉ rằng lạy Tinh, Khí, Thần hiệp nhất. Ấy là Đạo.*”

Vậy, mỗi khi lạy các Đấng ba lạy, chúng ta nhớ đến sự bảo tồn tam bửu nơi người tu, nhất là các hành giả đang thực hành tâm pháp vô vi (tĩnh luyện).

4. Lạy dưới góc nhìn y học

Cũng phần nào hữu lý nếu có ý kiến cho rằng pháp môn lạy gần như một hình thức Yoga đơn giản, bởi lẽ khi quỳ lạy có sự phối hợp giữa hơi thở, động tác, và sự tập trung tư tưởng. Chúng ta nên biết thêm như sau:

4.1. Cột sống

Cột sống chứa ba mươi một đôi thần kinh tủy sống thoát ra từ hai bên các đốt sống (ngoại trừ đôi đốt sống C1), chịu trách nhiệm cảm giác và vận động toàn thân. Lạy là hình thức luyện tập vận động làm tăng sự mềm dẻo của cột sống, luyện tập cơ lưng và hệ thống các dây chằng cột sống, giảm thoái hóa cột sống, qua đó duy trì hoạt động của các đôi thần kinh tủy sống được tốt hơn, đảm bảo sự hoạt động tốt của các cơ quan nội tạng và cảm giác toàn thân.

4.2. Phổi

Phổi là cơ quan tiếp nhận oxy và thải khí cacbonic (CO₂), duy trì hoạt động trao đổi khí để cung cấp oxy cho tất cả mọi

hoạt động sống của cơ thể. Lạy giúp tận dụng tối đa các hoạt động của các phế nang, là hình thức tập thở sâu nhằm tăng dung lượng phổi cũng như giúp làm tươi mới các buồng phổi nhờ thải trừ các thán khí (CO₂) tồn đọng. Dung lượng phổi còn gọi là dung tích sống bởi nó tỷ lệ với khả năng trao đổi khí bảo tồn sự sống.

4.3. Não

Cúi lạy là hình thức làm tăng lượng máu đến não một cách dễ dàng, giúp việc tưới máu não được tốt hơn. Động tác lạy còn làm tăng áp lực nhẹ lên thành mạch; lạy thường xuyên sẽ giúp sự đàn hồi thành mạch tốt, giảm nguy cơ vỡ mạch máu não. Lạy còn giúp tăng sự luân lưu của dịch não tủy, giúp bảo vệ cân bằng não tốt hơn, giảm chứng rối loạn tiền đình.

4.4. Tiêu hóa

Lạy là hình thức mát-xa tác động gián tiếp đến các cơ quan nội tạng vùng dưới cơ hoành, kích thích nhu động ruột giúp tăng hấp thu thức ăn và tránh táo bón.

4.5. Tuần hoàn ngoại vi

Khi chúng ta quỳ lạy, toàn cơ thể bị nén nhẹ nên việc tưới máu ngoại vi được tốt hơn, giúp da dễ tươi nhuận.

4.6. Khớp xương

Khi chúng ta quỳ lạy, hầu hết các khớp (trừ khớp cổ chân) đều được vận động một cách nhẹ nhàng, làm tăng sự linh động của các khớp, chống thoái hóa khớp.

4.7. Hệ thống kinh lạc, luân xa

Yếu quyết của người tu vô vi (tĩnh luyện) là hệ thống mạch Nhâm (phía trước bụng) và mạch Đốc (chạy ngược lên theo cột sống). Hệ thống các luân xa (*chakras*) trong tu luyện cũng nằm dọc theo hai mạch Nhâm và Đốc. Pháp môn lạy tác động trực tiếp đến cột sống cũng như hệ thống kinh lạc, giúp khai thông những ứ trệ trên hệ kinh lạc.

Lưu ý:

Không nên thực hành pháp môn lạy nếu đang có cơn cao huyết áp, đang rối loạn tiền đình, đang trong giai đoạn cấp của chấn thương cột sống, chấn thương khớp gối, v.v...

4.8. Những đặc điểm trong pháp môn lạy của đạo Cao Đài

– Mỗi lạy kèm theo ba hoặc bốn câu niệm danh hiệu nên thời gian cho mỗi lạy được kéo dài thêm gấp ba hoặc bốn lần. Nhờ thế, giúp hơi thở ra dài hơn, khiến thải trừ nhiều nhất các khí tồn đọng trong phổi. (Luyện tập thở sâu giúp cân bằng tinh thần, giảm căng thẳng.)

– Mỗi lạy kèm theo những lần gập đầu nhẹ. Những lần gập đầu nhẹ có thể xem như vận động nhẹ nơi cột sống cổ, đồng thời giúp lưu thông dịch não tủy tốt hơn. Ngoài ra, trong việc tập luyện để chữa trị đau lưng, tư thế “gật đầu hoặc lắc đầu có tác dụng kích hoạt những cơ vùng cổ một cách rất mãnh liệt”.⁽¹³⁾

⁽¹³⁾ Kim Long, *Tập Luyện Chữa Trị Đau Lưng*. Huế: Nxb Thuận Hóa, 2000, tr. 130.

– Lạy trong tư thế đang quỳ gối, và lạy trong tư thế trán, hai cẳng chân, hai cẳng tay đều chạm đất. Tư thế này khá giống “tư thế trẻ con” (*the child pose*) của Yoga. Tư thế trẻ con giúp giải tỏa căng thẳng; thư giãn ngực, lưng và vai; mát-xa, làm linh hoạt các cơ quan trong cơ thể; tăng sức đề kháng của cơ thể; kích hoạt các luân xa và kinh lạc trên cơ thể.



tư thế trẻ con
(*the child pose*)
trong Yoga

6. Tạm kết

Pháp môn lạy không đòi hỏi quá nhiều không gian, thời gian cũng như sự chuẩn bị. Pháp môn lạy phù hợp cho hầu hết mọi người, và đơn giản (dễ thực hiện). Sự phối hợp nhịp nhàng thân-khẩu-ý, sự kết hợp thân và tâm trong khi quỳ lạy có thể xem là bài tập thể dục tốt hơn cả.

Những diệu dụng của pháp môn lạy (như đã trình bày trên đây) sẽ không có được nếu người hành lễ có tâm lý miễn cưỡng, động tác vội vã, hoặc mang tính cách “chiếu lệ”.

Ý thức rằng quỳ lạy cũng là pháp môn tu tập, thế nên, nếu gặp lúc thân thể uể oải, tinh thần biếng lười, lòng muốn dễ duôi, thì người môn đệ Cao Đài hãy đối trị bằng cách tự răn

mình bằng lời dạy sau đây của Đức Tiếp Văn Pháp Quân:

“Tu nơi trong là khắc kỷ phục lễ. Khắc kỷ được thì làm chủ được thân, làm chủ mình để làm chủ người. Ấy là tu thân.”⁽¹⁴⁾

⁽¹⁴⁾ Trung Hưng Bửu Tòa, 02-02 Mậu Tuất (Thứ Sáu 21-3-1958).

Khắc kỷ phục lễ là kiềm chế bản thân và giữ đúng lễ. Theo *Luận Ngữ* (12:1), thầy Nhan Hồi hỏi về đức nhân; Đức Khổng Tử trả lời: “*Khắc kỷ phục lễ vi nhân.*” (Kiềm chế bản thân và giữ đúng lễ là nhân.) Thầy Nhan Hồi lại hỏi thêm về cách thực hành; Đức Khổng đáp: “*Phi lễ vật thị, phi lễ vật thính, phi lễ vật ngôn, phi lễ vật động.*” (Không hợp lễ thì đừng nhìn; không hợp lễ thì đừng nghe; không hợp lễ thì đừng nói; không hợp lễ thì đừng làm.)

MẤY VẦN THƠ



THUYỀN: sơn dầu trên giấy (1974), nữ họa sĩ Bé Kỳ (1938-2021)
Sở hữu tranh: Vũ Ngô Cường
Mượn từ FB Van Danh Nguyen.

AI DỆT MÙA XUÂN

Như bông ai đổ đầy trời
Phơi mây cho trắng để rồi xe tơ
Hôm qua cây còn chông chơ
Bữa nay đã thấy mượt mờ lá xanh
Trời kêu ai dệt mà nhanh?
Cởi choàng đông khoác lên thành áo xuân
Kìa! Em má đỏ bồ quân
Đem so màu má với hồng cánh hoa
Chích chòe líu ríu giọng ca:
“Ai làm rớt nắng lên tà áo em!”
Lao xao gió khẽ lay rèm
Ai ơi mau dậy ra thềm đón xuân.

ẨN CHỨA

Ai thấy trong tuyết phủ
Ấp ủ cả mùa xuân
Gió xuân về chớm nụ
Nhụy hoa khai tung bùng

Ai hay trong sa mạc
Giấu muôn hạt mầm xanh
Một cơn mưa đi lạc
Vạn chồi non cựa mình

Ai nghe trong bùn đất
Có mùi sen ngát hương
Ai bên đời tất bật
Nhìn ra ta vô thường

Vượt trên miền khổ hải
Thấy lạc an miên trường
Ai thăng trầm, ố ái
Mới trân quý tình thương

Ta muôn đời xoắn xuýt
Vớí đúng sai cuộc đời
Xây thành cao triết thuyết
Ngăn cách tình anh, tôi

Đừng tìm trong dấu lạ
Có Thượng Đế hiện hình
Thượng Đế là tất cả
Những anh em quanh mình.

9-2019

BÁC NHÃ TỊNH ĐƯỜNG

Trời xanh
Biển xanh
Gió thanh thanh, núi xây thành
Long Hải ¹
Mùa xoài ươm trái
Con trở lại Tịnh Đường
Bóng dáng thân thương
Giữa khu vườn
Đây, Tịnh Đường Bác Nhã
Lòng con
Nôn nao rất lạ, nỗi niềm khôn tả
Xin dâng lòng cảm tạ
Người xưa
Đã đến nơi đây, dựng gầy
Cho hôm nay chúng con có ngày hội ngộ
Minh Lý, Cơ Quan
Tân Minh Quang, Tiên Thiên, Truyền Giáo
Hòa trong tình đạo
Thơ thảo tương liên.

Những buổi ngồi thiền
Lòng lặng yên
Tưởng như đã về miền
Tâm yên nguyên từ thuở
Những buổi học nhiều trăn trở
Với tâm sở, tâm vương
Tâm tích tập, tư lương
Hay chơn thường, tâm kiên thật
*Trí Trung Hòa*² như nhất
Tâm thật sẽ hiện ra...
Rồi cũng đã qua
Một mùa Hạ Chí
Nguyện cầu chư huynh tỷ
Tâm hoan hỷ, khinh an
Vui đạo tùy duyên
Cùng chung đắp xây nền chánh giáo.

Hạ Chí 2022

¹. Bác Nhã Tịnh Đường tọa lạc tại Long Hải (Vũng Tàu).

². Tấm hoành *Trí Trung Hòa* treo tại phòng học ở
Bác Nhã Tịnh Đường.

BÊN BỜ THÁC ĐỔ

Đứng bên bờ thác đổ
Một ngọn cỏ vừa lên
Thanh thản và an nhiên
Nghiêng nghiêng bên dòng chảy
Rồi một ngày bỗng thấy
Con nước ấy vô thường
Cổ nút lại giọt sương
Để bên đời lấp lánh.

BUỔI KINH CHIỀU

Lớp lớp mây lên cuộn về ngàn
Làn làn sương khói tỏa Trường Giang
Có người áo trắng trong chiều vắng
Đổ tiếng chuông ngân suốt mấy làng...

Tiếng kinh lạnh lớt và thanh tao
Lay động mấy tầng lấp lánh sao
Hàng cây lặng đứng im phăng phắc
Như dâng lòng lên Đấng Tối Cao.

Chú chim bé nhỏ cũng ngưng chuyền
Đôi mắt xoe tròn, cổ nghiêng nghiêng
Dường như muốn để hồn im lặng
Để chạm lòng mình với tiếng thiêng.

Và em trong vắt mắt thơ ngây
Gởi lòng theo tiếng kinh chiều bay
Kính dâng tất cả lòng thương mến
Cho muôn nơi hưởng trọn ơn Thầy.

Ráng chiều đã đẩy bóng trắng lên
Đổ ánh vàng ra trải suốt đêm
Đàn tràng viên mãn, em về ngõ
Áo nhuộm đầy trắng, trắng rất mềm.

CHÂN KINH VÔ TỰ

Xưa Bồ Đề tổ sư
Quảy dép rời Đông Độ
Nhập niết bàn vô dư
Ta lần mò thấp đuốc
Tìm mất dấu chân như
Giữa vạn trùng muôn pháp
Biết đâu là thực hư
Nên nổi chìm sanh tử
Trôi lặn đến bây chừ
Quấn quanh cầu bỉ ngạn
Đâu biết tâm là bờ
Chỗ kiến giải mịt mờ
Mới lần xa chơn tánh.

Kỳ Ba người hữu hạnh
Trời khai pháp Cao Đài
Chỉ rõ chỗ bốn lai
Vốn xưa nay chẳng khác
Xưa Linh Sơn phó thác
Nay mật pháp hiển bày
Muốn về chốn Cao Đài
Thường hồi quang “Chiêu” tánh ¹
Tự hữu ắt “Ngô Minh” ²
Ấy ngọc quý nơi mình
Vốn chân kinh vô tự.

¹ *Chiêu*: Mời tới, vời đến.

² *Ngô minh*: Ta sáng; ta giác ngộ.

CHIẾC LÁ CUỐN ĐI

Là khi chiếc lá cuốn đi
Bên bờ cỏ dại thềm thì cùng trắng
Kể từ em gặp chị Hằng
Đã in dấu nắng, đã hằn màu mưa
Bấy nhiêu sương gió cũng vừa
Xin làm cát bụi cho mùa cỏ xanh.

CỎ CỎI

Ngày xưa, cỏ cói ven bờ
Ngày hong gió mát đêm chờ trăng lên
Có chàng nông sĩ tráng niên
Thương thân cỏ lác nên đem về làng
Thôn bên có những cô nàng
Khéo tay nhuộm đỏ, nhuộm vàng cói tôi
Dệt thành một tấm chiếu đôi
Hoa văn xinh xắn muôn người đều khen
“Nghĩ mình cỏ nội hoa hèn
May duyên chắc dễ được quen các lâu.”
Có người ý hợp tâm đầu
Xây mơ nên đã chọn màu chiếu tôi
Tưởng rằng êm ấm bên người
Giờ riêng nghe những khóc cười mỗi đêm
Những khi chia chẻ nỗi niềm
Những khi thân phận nổi chìm ngược xuôi
Lặng yên ôm những ngậm ngùi
Lòng riêng, riêng những rối nùi vò tơ
Để từng cọng chiếu xác xơ
Từ thân cỏ cói đâu ngờ chiếu manh
Tháng ngày nghĩ lại buồn tanh
Tiếc thương thì cũng ngày xanh qua rồi!

CƠN GIÓ LUÂN HỒI

Ô hay! Con gió vô thường
Tự mang lấy kiếp, tự vương luân hồi
Đang khi lồng lộng giữa trời
Bỗng nhiên lay động đến nơi đầu cành
Nhiều khi thơ thần dạo quanh
Đùa vui cùng những lá xanh trong vườn
Nhiều khi như thể vấn vương
Nằm lặng yên ngấm giọt sương trên cành
Đôi khi khẽ lọt qua màn
Đung đưa võng bé dỏ dành giấc trưa
Câu ca “Gió đánh đờ đưa”
Đi từ vạt cổ còn chưa trở về
Trần gian còn lắm tỉnh mê
Còn nhiều ấm lạnh bộn bề còn thương
Ô hay! Con gió vô thường
Tự mang lấy kiếp tự vương luân hồi.

ĐÊM NGUYỆT CẦU

Đêm
Chìm sâu
Con quỳ xuống nguyện cầu
Cho mình, cho nhau
Cho cả hoàn cầu qua cơn đại dịch
Đêm tĩnh mịch
Ngày cô tịch
Giữa vùng có dịch
Không gian nặng trĩu
Cổng nhà đóng kín
Kín mít
Đừng đến tìm nhau!
Gió về đâu?
Mây về đâu?
Trăng vắng vặc trên đầu
Có nghĩa gì đâu!

Mai ăn gì?
Mốt ăn gì?
Ở vùng cách ly
Rủi mắc Cô-vi
Làm sao mau khỏi?

...

Đêm chìm sâu
Con vẫn nguyện cầu
Cho mình, cho nhau
Cho cả hoàn cầu qua cơn thống khổ.

Tháng 8-2021

EM BÁN HOA CHIỀU BA MƯƠI TẾT

Chiều ba mươi Tết phố đầy đông
Người đi lớp lớp ngược xuôi dòng
Ngồi ôm hoa thắm lòng se thắt
– *Còn nhiều hoa lắm, ai mua không?*

Một năm làm lụng chẳng dư tiền
Cực lòng muốn giấu nỗi niềm riêng
Năm cùng tháng tận bao nhiêu thứ
– *Làm răng không nghĩ, nghĩ không phiền!*

Em hết lo gần lại tính xa
Làng trên xóm dưới mấy trăm nhà
Xuân về, Tết đến ai mà chẳng
Mua sắm trong nhà một ít hoa

Em qua hàng xóm mượn thêm tiền
Theo lái vào vườn đếm mấy thiên
Lay-ơn, hồng, cúc... vàng, xanh, đỏ
Nửa lòng khắp khởi, nửa chưa yên

Hai bên đường phố ngập đầy hoa
Người mua kẻ bán cũng hằng hà
Lòng ai biết có như em nhỉ
Mơ giấc hoa chừ héo với hoa.

GIẤC MƠ THIÊN THAI

Trời hong nắng óng trên cành biếc
Nhỏ giọt vàng đầm ướt cỏ non tơ
Hàng thông xanh lẩn khuất ở xa mờ
Sông trải lụa uốn đôi bờ xa tấp
Vẳng xa nghe tiếng kinh trong như ngọc
Dịu dặt ngân như từ cõi thiên thần
Lòng an yên bỗng phút hóa lâng lâng
Như nhẹ tách cõi trần về Tiên giới
Đây thiên thai nhạc thiều vừa mới thổi
Lối ngàn hoa rực rỡ ánh tinh quang
Đây Đài Cao lấp lánh sáng muôn ngàn
Ta thọ phước hóa duyên nâng chén ngọc
Hội Quần Tiên bay về trong phút chốc
Giọt từ bi thấm đầm ánh từ quang
Ta khấu đầu ân tạ rất nghiêm trang
Rồi nâng chén nghe dần tan trong thể
Nghe linh quang bùng lên như đuốc tuệ
Và nhẹ nhàng tan biến giữa hư không
Và hòa trong ánh sáng cõi vô cùng.

GIỌT SƯƠNG BÉ BỎNG

Đêm khuya lạnh lẽo
Giọt sương trong treo
Bơ vơ một mình
Gió như vô tình
Tạt qua từng đợt
Giọt sương giạt thốt
Giá buốt căm căm
Nó vẫn âm thầm
Nhưng lòng quặn thắt
Từng nhà đèn tắt
Nệm ấm gối êm
Dường như bỏ quên
Để lại giữa đêm
Giọt sương bé bỏng.

GỢI CHỊ

Chị hỏi ngoài mình mưa lụt miết
Nước lên nước lụt có mần rặng
Em giấu làm chi chị biết được
Xuân về thiếu áo lạnh không chẵn.

Lại nữa nghe tin có bão xa
Cô Ba, cô Bảy xúm nhau la
Cu Út mau dọn đồ lên thất
Kéo gió đọt ni để sụp nhà!

Em lên lạy Mẹ lòng lo lo
Nhà dột cột xiêu mưa gió to
Chắc chi chịu nổi cơn mưa hãm
Ướt hết làm rặng có chỗ thờ.

Chị nói chị về em bảo thôi
Làm chi tốn kém đường xa xôi
Chị lo trang trải cho xong nợ
Kéo bên chõng bảo chị để duôi.

Mà thôi em nói chị đừng lo
Mai mốt lớn lên em phụ hồ
Mỗi bữa để dành dăm viên gạch
Thế nào em cũng có nhà to.

HOÀI CẢM

Tưởng nhớ đạo trưởng Phối Sư Thượng Hậu Thanh

Chiều Đà thành gió dừng, mây ngưng lặng
Nước Hàn giang xõa sóng trắng bạc đầu
Trời Trung Hưng vừa tắt ánh tinh cầu
Một thiên sứ đã về chầu Thượng Phụ
Về Trung Hưng, một đêm dài không ngủ
Tiễn đưa Người một lần cuối nữa thôi
Rồi mai đây Người về lại cung Trời
Cuộc lưu chuyển đâu dễ gì gặp được.
Hồi tưởng lại gương tông đồ buổi trước
Bậc thiên ân hiển hiện nét oai nghi
Lòng bao dung chan chứa giọt từ bi
Gương minh triết, nếp tu trì tỏ rõ
Pháp Trung Hưng nhờ tay Người điều độ
Trải qua bao gian khổ mới nên hình
Công quả, công phu đã vẹn công trình
Tâm huyết ấy lòng hy sinh biết mấy
Và hôm nay thời gian như ngừng lại
Sứ vụ đã tròn Người trở lại ngôi xưa
Đốt nén hương lòng tiễn biệt xin đưa.

Tháng Hai Nhâm Dần (2022)

HỘI KỲ BA

Chợt tỉnh giấc,

ta choàng dậy bước ra ngoài bóng tối
Ngày đến rồi, vận hội mới là đây
Kìa, bình minh lóng lánh giọt sương mai
Chim vui hót và cây vừa chớm nụ
Cả thiên nhiên như hòa cùng vũ trụ
Cùng loan tin Trời mở hội Cao Đài.
Bạn thân ơi! Đừng cửa đóng then cài
Vì sẽ thấy đêm kéo dài mãi mãi
Đừng níu kéo những giấc mơ rồ dại
Thời gian qua không trở lại bao giờ.
Bạn thân ơi! Đừng để cửa khép hờ
Vì sẽ thấy mập mờ trong bóng tối
Nơi ẩn giấu những hạt mầm tội lỗi
Hãy đứng lên khoác hành trang bước tới
Vì không đi chẳng đến cuối con đường.
Kìa, đặng Đông đã ló ánh vàng dương
Đang soi sáng từng nẻo đường ta bước
Đoàn tuổi trẻ theo chân người đi trước
Cùng hoan ca trong nhịp bước Cao Đài
Mừng hội Trời mở chánh đạo hoàng khai.

LÁ VÀNG THU

Kính hồi hướng Bảo Học Quân Thanh Căn

Còn đây nốt chút vàng phai
Lìa buồng dẫu biết rằng mai trở cảnh
Xa rồi những tháng ngày xanh
Giọt sương, lá biếc long lanh trong chiều
Dầm mưa dãi nắng cũng nhiều
Lòng như vừa chín những điều gió sương
Chiều nay thả mộng bên đường
Để cho cơn gió vô thường cuốn đi
Sắc không, thôi tiếc mà chi
Trả về cát bụi những gì thế gian
Hồn men theo dấu địa đàng
Bỏ quên câu hát nằm ngang lưng đèo.

LẠY MẸ CON ĐI

Xin một lần con cúi đầu lạy mẹ
Con xin đi khi tuổi trẻ dâng trào
Lời Thiêng Liêng thúc giục ở trên cao
Gọi con trẻ bước vào đời phụng hiến
Con đã thấy mẹ vui ngày đưa tiễn
Cầm tay con cầu nguyện với Thiêng Liêng
Mừng cho con biết khép lại tư riêng
Lòng thanh khiết sống liền ơn thánh thể
Con của mẹ trong vòng tay Thượng Đế
Biết sống yêu thương nhân nghĩa vẹn toàn
Nhìn con vui trong nếp sống giáo đoàn
Lòng mẹ thấy ngập tràn niềm vui sướng
Khi con đã dâng mình cho lý tưởng
Giờ không còn con riêng của mẹ đâu
Nhưng ơn Thầy và nghĩa mẹ cao sâu
Cả một đời bé dâu con không đáp nổi
Con một lần xin cúi đầu tạ tội
Nguyện trọn đường tu đền đáp mối ân này.

LIÊN ĐÀI

Nắng chiều tỏa xuống bên hiên
Nhật trầm tư hắt lên miền vô ưu
Gió từ thổi bạt cánh diều
Mây không hong nắng để chiều nhẹ tênh
Vén chân trần bước qua miền
Nhẹ khô sỏi đá, nã phiến sạch không
Em đi góp nhật bụi trần
Kết thành mười tám hạt trầm xoay xoay
Nâng niu xây một liên đài
Để mong cát bụi có ngày tỏa hương
Đưa tay nâng đóa vô thường
Hóa thành hoa nắng giữa vườn chân như.

LÒNG MẸ

Mẹ cũng biết cuộc đời là bể khổ
Đường công danh hoạn lộ lắm gian nan
Con đi tu lòng mẹ cũng không an
Vì đương lúc xuân còn đang phơi phới
Sợ lòng trẻ khi bốc đồng nông nổi
Cơm lạt, canh chay, dưa muối mặn nồng
Dậy sớm, thức khuya, kinh kệ, luật dòng
Khép chặt tâm tư giữa bốn vách cô phòng
Lúc ốm đau, khi trở gió đêm đông
Còn bao nữa, biết ai cùng chia sẻ
Mẹ cứ nghĩ lúc con còn ở thế
Giấc ngủ, bữa ăn có mẹ chu toàn
Con đi tu lòng biết có bình an
Hay nửa lúc còn bước ngang lối rẽ
Con sẽ mất cả một thời xuân trẻ
Rồi mẹ nghĩ đến tuổi già của mẹ
Không có con, mẹ lặng lẽ vào ra
Con có được về viếng mẹ thăm cha
Hay có nghĩa đi tu là dứt bỏ
Mỗi hoàng hôn chống gậy lần ra ngõ
Mắt mờ trông con biết có về thăm
Dáng mẹ lưng còng khuất bóng giữa hoàng hôn.

NẮNG VÀ GIỌT NƯỚC

Nắng vừa rời bỏ khung trời
Đi vào chiếu sáng vũng đời tối tăm

Một hạt nước bé âm thầm
Dang tay đón nắng để lòng lung linh
Dường như giọt nước chuyển mình
Nghe lằng lằng nhẹ như hình bay hơi

Chiều nay, hạt nước đi rồi!
Nương theo sợi nắng lên trời vân du.

NẾU CON CÓ VỀ

Con còn sức trẻ sức trai
Chân bước dậm dài kiếm lấy cái ăn
Mẹ thời lúu xúu lằng xằng
Con không được bằng như thể người ta
Cho nên con phải đi xa
Mình mẹ ở nhà vò võ cả năm.

Mẹ đau, mẹ yếu, mẹ nằm
Mẹ như con tằm đã rút hết tơ
Bây chừ thân mẹ xác xơ
Mẹ cũng không ngờ mệt đến lất lay
Ước gì con có ở đây
Con cầm tay này con đỡ mẹ lên
Mẹ chừ lúc nhớ hồi quên
Chắc không còn được gọi tên con rồi...

Còn đêm này nữa là thôi
Mà con còn ở xa xôi chưa về
Mẹ chừ lúc tỉnh hồi mê
Nếu con có về, chắc mẹ không hay...

NGÀY XƯA ÁO TRẮNG

Em có còn là em!
Tôi chợt nói với lòng cay đắng...

Ôi, ngày xưa áo trắng!
Vòn trong nắng trinh nguyên
Em có nụ cười
Hồn nhiên không thể tả
Vở học trò ép đầy hoa lá...

Lần gặp này, mắt em buồn rất lạ
Tôi chợt thấy hình như... mình mất cả
Tìm đâu ra... một chút ngày xưa.

Phố nhỏ chiều mưa
Lối em về không người đưa đón
Bước chân vội vã
Phải chăng em chạy trốn cuộc đời
Phải chăng em chạy trốn loài người?

Tôi đứng đó
Sững sờ
Không một tiếng cười
Chưa một lời chào hỏi.

Ôi, cuộc đời nghiệt ngã
Đã cướp mất em rồi!
Chỉ còn lại trong tôi trong tôi
Ôi, ngày xưa áo trắng!

NHỮNG MÀU MÂY

Ta muốn là mây trắng
Trôi trên đời phiêu bồng
Dù ai lòng mưa nắng
Mình ta dường như không.

Ta muốn là mây hồng
Mang tin bình minh đến
Trong một ngày mùa đông
Ai ngăn sông, cách núi
Ta riêng trời mệnh mông.

Một ngày ta ngừng lại
Nghe quanh đời bão dông
Người thương đau lắm kẻ
Ta vui chi phiêu bồng?

Lòng ta chùng ngưng lại
Hóa thành giọt nước trong
Mưa trên ngàn hoa cỏ
Trả đất trời hư không.

NHỮNG NGÀY CÙNG CÔ-VI

Cô-vi! Cô-vi!

Người đến rồi đi

Đã để lại gì?

Những cái chết cô đơn, những nỗi đau trần thế

Ai cầm tay nhỏ lệ lúc đi xa?

Giữa ấm êm người bỗng hóa không nhà

Mà của tiền cũng chỉ là hư ảo.

Cô-vi! Cô-vi!

Người hãy rời đi!

Người sẽ làm gì?

Khi yêu thương hóa thành trì vững chãi

Những trái tim biết nối cùng nhau lại

Bạn và tôi cùng chung sức chung lòng

Tuân thủ cách ly, giãn cách cộng đồng

Bởi Cô-vi chỉ thích những đám đông

Quán xá, ka-ra, cà phê, sàn nhảy...

Những cuộc vui thôi hãy dừng bớt lại!

Ta trở về nhà ăn bữa cơm rau

Mái ấm yêu thương chụm lại những mái đầu

Và ôn lại những câu chuyện cổ

Ta nhớ lại thời ông cha đất Tổ

Người Việt xưa vốn nòi giống Tiên Rồng...

ƠN GỌI

Kính tặng khóa Lễ Sinh tháng Tám Kỷ Hợi

Ơn tận độ Kỳ Ba Thầy đã nhỏ

Dịu chúng con qua bể khổ mê trần

Để hôm nay hội ngộ khắp xa gần

Về Hội Thánh học làm người sứ mạng.

Học để biết người tu không tự mãn

Học để hay phải thương bạn, yêu người

Học thượng tôn quyền pháp Đấng Cha Trời

Ôi, Thượng Đế! Đấng muôn đời bất diệt.

Con cũng biết mình còn nhiều khiếm khuyết

Còn buông lung, bê trễ đủ mọi đường

Mà nhân sanh đoái tưởng gửi lòng thương

Mà Hội Thánh đã nặng lòng giao phó.

Đường phía trước còn biết bao gian khó

Những chông gai đang lấp ngõ ngăn đường

Này dục tham, yêu khí của ma vương

Đây ái nhiễm của hồng trần rộn rục.

Những tập khí ươn mằm từ vô thức
Con mong manh chỉ có đức tin Thầy
Một lòng thành nguyện sửa những lầm sai
Câu kinh nguyện cứ mỗi ngày con đọc.

Lời thánh giáo là cách ngôn châu ngọc
Con nương theo noi lấy để răn mình
Xin cúi đầu vọng bái Đấng oai linh
Đại Từ Phụ xin lượng tình dung thứ.

Đi bước con qua muôn ngàn sự dữ
Cho gót phàm lạng dạn nẻo lương sanh
Để kiên tâm soi bước ở đường lành
Và vững lái dong buồm qua bể khổ.

Xin hoan ca kính mừng ơn cứu độ
Xin lần tay vén lộ dấu chân kinh
Để ngày sau ở cuối cuộc đặng trình
Được diện kiến Thánh nhan ngày Thiên triệu.

PHƯỚC HỘI NGÀY VỀ

Tìm sử Đạo chúng con về Tý Sế
Bia Trưng Hưng thánh tích vẫn còn đây
Nghe dư âm còn vọng lại nơi này
Âm vang của tiền khai thời mở đất...
Năm Bốn Sáu (1946) khi chiến tranh bùng phát
Cả toàn dân xao xác lánh nạn tai
Những môn sanh yêu dấu Đấng Cao Đài
Đã gồng gánh gia tài về Phước Hội
Từ Vĩnh Điện, Đa Hòa, Ô Gia, Gò Nổi...
Ngược sông Thu lặn lội trở về đây
Nơi sơn lam chướng khí vẫn còn đầy
Vẫn tay cuốc tay cày miệt mài mở đất
Lập bệnh xá, Tịnh Đức Đường,
Sở Công Thương, trường học

Đường lối dọc ngang, những dãy nhà thẳng tắp
Sớm chiều vang kinh kệ, giọng ngân nga
Lòng nhân sanh trong bốn bể hiệp hòa
Chư hướng đạo vẫn vào ra lo liệu
Cửu Viện ân cần bày biểu tới lui
Lòng môn sanh chưa kịp được mừng vui...
Bỗng một hôm tiếng vọng lạ xa xôi
Rồi âm âm máy bay quân Pháp tới
Nhằm Tịnh Đức Đường, Sở Nông cày xới
Người bị thương í ới gọi nhau về
Rồi sơn lam với chướng khí nặng nề
Sốt rét hoành hành lan rộng gớm ghê...
Những bốn đạo thật thà dân quê chất phác
Lại gánh gồng lác đác trở lại quê
Khi chiến tranh đang tàn phá nặng nề...
Phước Hội ngày về lưu tích những mộ bia.

RỪNG XƯA ĐÃ KHÉP

Vàng trắng nằm nghiêng trên lưng đồi
Mơ về mùa thu ngày xa xôi
Nai vàng, cây rừng, chim đâu rồi?
Người đi về đâu, chinh phu ơi!

TỰ TÌNH

Từ thuở thiếu thời tôi thích thơ
Thường trong tâm trí thích tưởng tượng
Trái tim tuổi trẻ thường thao thức
Tưởng tượng trời trăng trong tứ thơ.

Trăng trong, trăng tỏ tự trên trời
Tôi tìm trăng trên trang thơ thôi
Tôi tin trăng tả thành trăng thật
Tán tụng tà tâm thay thức tâm.

Thường thấy tầm tay thiếu thấy trăng¹
Tuệ tâm thua thiệt, tục tâm tăng
Tôi thề tỉnh thức trong tu tập
Thời thời tâm-tướng-tức tương thông.

¹ Lời Đức Phật: *"Tôi cần nói rõ: Giáo pháp của tôi là một phương tiện để đi vào thực tại chứ không phải là để miêu tả thực tại, cũng như ngón tay chỉ lên mặt trăng không phải là mặt trăng."* Thích Nhất Hạnh, *Đường Xưa Mây Trắng*. Nxb Văn Hóa Sài Gòn, 2007, tr. 293.

VỀ ĐÂU

Này người!
Về đâu?
Hay đi vào chốn bể dâu
Để ôm lấy muôn sầu vạn khổ?

Ngửa nghiêng ngày mưa bão
Con thuyền cứu độ
Ngược xuôi giữa đời đông tố
Lời Mẹ Thầy khi khuyên khi dỗ
Có ai lên?

Ôm ấp muôn duyên
Để rồi mãi ơn đền nghĩa trả
Kỳ cùng nguơn hạ
Bước chân còn nôn nả thế đồ
Thuyền từ lạc giọng... "Nam mô..."

VỀ LINH THÁP

Nghe từng viên đá kể chuyện xưa
Đất dậy anh linh thưở mới vừa...
Nền tháp phong rêu gìn dấu cũ
Người từ muôn thuở trở về chưa?

Đá chẳng ghi tên nên chẳng mòn
Vẫn sáng như trăng buổi mới tròn
Những lòng như nhất, trung trinh ấy
Còn mãi lưu truyền với nước non.

Mai con về lại nẻo trần duyên
Những lúc chông chênh những nẻo phiền
Quay về Linh Tháp con còn có
Thấy sáng bừng nơi ấy một miền.

Như ngọn hải đăng giữa biển trời
Tháp Linh chiếu diệu đến muôn nơi
Người về đắp đất niềm xưa cũ
Soi dấu linh xưa để rạng ngời.

10-7 Đinh Dậu

VỀ THĂM THIÊN VIỆN VẠN HẠNH

Đào tạo từ xa khóa III (2013-2017)

Về Thiên Viện giữa chiều đông nắng nhẹ
Nghe an nhiên tiếng gió khẽ lay cành
Giọt nắng vàng nghiêng qua tán lá xanh
Làm sống lại những nỗi niềm xưa cũ...

Con là kẻ nhiều mộng đời ấp ủ
Đã bao năm lam lũ với duyên trần
Những tháng ngày lặn lội bến mê tân
Mà chưa có một lần mơ bến giác.

Rồi một hôm trên bước đời lưu lạc
Bỗng nhiên nghe một khúc nhạc chân thiên
Như lặng lòng gọi lại thuở uyên nguyên
Làm xao động cả một miền chân thức.

Con băng khuâng giữa đôi bờ hư thực
Nghe chông chênh giữa bờ vực mê lầm
Rồi vọng vang tiếng sóng hải triều âm
Con quày bước âm thầm về Vạn Hạnh.

Bữa hôm ấy là một ngày quang tạnh
Con nôn nao bởi lạ cảnh lạ trường
Nhưng ấm lòng những ánh mắt thân thương
Con lần bước lên giảng đường nghe pháp.

Lời giảng sư đầy từ hòa, ấm áp
Con lặng nghe lời Phật pháp siêu màu
Và nhân duyên như đã nối nhịp cầu
Con lặng lẽ khép mình từ dạo đó.

Rồi cũng qua những miệt mài, gian khó
Chút thiện duyên ngày cũng trở hoa lành
Trải bốn năm học đạo cũng hoàn thành
Những cánh chim xa cánh về khắp chốn

Đường “duy tuệ” làm nghiệp lành đã chọn ¹
Mang pháp màu gieo khắp bốn phương trời
Con hôm nay trở lại dưới chân Ngươi
Nơi Thiền Viện đã một thời lưu dấu.

¹ Do tiêu ngữ “Duy tuệ thị nghiệp”.

VỤ MÙA

Mưa gió chừ nghe cũng khác xưa
Có khi đang nắng bỗng dừng mưa
Bữa nay chị ốm nhưng chị rán
Phơi lúa ngồi canh cả buổi trưa.

Được cái Trời thương cũng trúng mùa
Nhưng mà giá cả có hơi thua
Lần tay chị tính hai sào rươi
Giáp hạt ăn tiêu chắc cũng thừa.

Bán ra chút ít chị trồng dưa
Dang nắng dầm luôn mấy buổi trưa
Được mùa, thương lái đừng mua ép
Sau lễ trung nguyên chị sửa nhà.

Mái nhà dột nát đã ba năm
Nước dột nhột lưng đổi chỗ nằm
Đôi khi nghĩ lại mùa mưa tới
Nhiều lúc chị lo đến khóc thắm.

Chị nghĩ ngày xưa chị có chồng
Bây giờ con cháu cả đàn đông
Cái người ấy hứa rồi đi mất
Chị đăm hờn cả cánh đàn ông.

Lần lửa rồi qua tuổi xế chiều
Trên đầu muối đã lẩn màu tiêu
Những niềm tâm sự chia không hết
Chị hay ngồi ánh mắt đăm chiêu.

Chị tính sau khi chị sửa nhà
Lên thưa họ đạo với thiện gia
Chị xin cho chị thờ Thiên Nhân
Cho sớm chiều chị được gần Cha.

XIN MỘT NGÀY

Ta về nhặt lá thu phai
Ủ mùa xuân chín treo ngoài song thưa
Ta gom sương ngọt cuối mùa
Gởi lên trời để xin mưa một ngày.

LỜI CUỐI SÁCH

Nhà tu Trí Huệ, là dòng tu nam phái xuất gia, trực thuộc Hội Thánh Truyền Giáo Cao Đài, ra đời vào năm Đinh Hợi (2007).

Lúc ra đời, nhà tu Trí Huệ chưa có nhà, tạm trú vài phòng nhỏ trong dãy nhà nam phái – cơ sở thánh đường Quảng Nam – hoàn cảnh còn khó khăn, thiếu thốn mọi bề.

Nhưng nhờ ơn Thầy Mẹ hộ trì, Hội Thánh dìu dắt, toàn đạo gần xa nhiệt tình hộ trợ, đến nay nhà tu Trí Huệ đã có cơ sở tương đối khang trang, tiện nghi tạm đủ để người xuất gia an tâm tu học, lập công hành đạo.

Dù ở trong hoàn cảnh nào, tập thể tu sĩ, tu sinh vẫn sống an yên trong hạnh lạc hòa và tiến tu trong tinh thần lục độ. Với đức tin đồng mãnh, nguyện lực kiên trì, một dạ chí thành trong ơn cứu độ đã tiếp thu được “dưỡng chất” trong nền Đại Đạo và hấp thụ được “quang năng” trong khối Đại Linh Quang của Thầy, để ngọn đuốc Trí Huệ được dần dần tỏ sáng, vườn cây Trí Huệ được đơm hoa, trổ trái.

Tập sách nhỏ *Ánh Sáng Trí Huệ* của tu sĩ Lê Hoàng Nguyên là một trong những hoa trái đầu mùa của mảnh vườn Trí Huệ.

Tập sách nhỏ này được hình thành, Ban Điều Hành nhà tu Trí Huệ xin tri ân anh lớn Giáo Sư Thượng Văn Thanh (Chưởng Quản Cơ Quan Phổ Tế của Hội Thánh) đã có lời giới thiệu; xin chân thành cảm ơn đạo huynh Huệ Khải (chủ biên Chương Trình Chung Tay Ấn Tống Kinh Sách Đại Đạo) đã quán xuyến việc tu thư, và xin tán thán tấm lòng vàng của quý đạo hữu đã hy hiến công quả để giúp ấn tống cả ngàn rưởi tập sách *Ánh Sáng Trí Huệ* của tu sĩ Lê Hoàng Nguyên (Lễ Sanh Thái Nguyên Thanh).

Xin cầu nguyện Thầy ban ơn lành cho quý vị và tất cả chúng ta.

Nam mô Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát.

Tam Kỳ, tháng 5-2023
Giáo Hữu THƯỢNG THUẦN THANH
Trưởng Ban Điều Hành
Nhà tu Trí Huệ

ĐÔI LỜI THA THIẾT

Kinh sách được ấn tống để kính biểu rộng rãi là nhờ biết bao tấm lòng vàng của hàng hàng lớp lớp đạo tâm gần xa gửi gắm. Để không phụ lòng các vị ân nhân ấy, xin quý vị trân trọng giữ gìn kinh sách để truyền trao cho đúng người thật tâm tìm tu, học đạo. Chúng tôi chân thành biết ơn sự thấu hiểu, đồng cảm, và hợp tác chặt chẽ của quý vị.

Ban Tu Thư & Ấn Tống

HOAN HỖ KÍNH MỜI

Chương Trình Chung Tay Ấn Tống Kinh Sách Đại Đạo ra đời vào tháng 6-2008 nhằm mục đích cung cấp miễn phí kinh sách học đạo Kỳ Ba, để đồng hành cùng bốn đạo Cao Đài thực thi lời dạy của Đức Diêu Trì Kim Mẫu tại thánh tịnh Kim Thành Long, ngày 18-02 Quý Sửu (Thứ Năm 22-3-1973):

*Tu phải học hiểu qua giáo lý
Giáo lý là kim chỉ hướng Nam
Cho con nhập thánh siêu phàm
Khởi vòng luân chuyển con tầm nhộng tơ.*

Vì thế, quý Hội Thánh hay quý họ đạo mỗi khi tổ chức lễ và có nhã ý muốn dùng kinh sách làm quà biếu bốn đạo đến dự lễ, kính mời quý vị sớm liên lạc với Chương Trình Chung Tay Ấn Tống (*điện thư: daidaovanuyen@gmail.com*).

Rất lòng thành tín.

DANH MỤC SÁCH 2008-2023 CHƯƠNG TRÌNH CHUNG TAY ẤN TỐNG KINH SÁCH ĐẠI ĐẠO

*Liên kết Nxb Tôn Giáo và Nxb Hồng Đức (Hà Nội) từ tháng 6-2008.
Sách thuộc TỦ SÁCH VĂN HỌC ĐẠI ĐẠO được đánh dấu **

- 150-1. ÁNH SÁNG TRÍ HUỆ. Lê Hoàng Nguyên, 2023.
- 149-1. CAO ĐÀI TỨ THỜI NHẬT TỤNG / CAODAI FOUR-TIME DAILY PRAYERS / 高臺四時日誦經. Huệ Khải, 2023.
- 148-10. GIẢI NGHĨA & MINH HỌA KINH SÁM HỐI. Tranh 4 màu, 2011 ... 2023.
- 147-1. TRIẾT GIÁO HỢP TUYẾN TĂNG BỔ. Lê Anh Minh, 2022.
- 146-1. TRIẾT GIÁO HỢP TUYẾN. Lê Anh Minh, 2022.
- 145-1. GIÓ BỐN PHƯƠNG. Huệ Khải, Lê Anh Minh, 2022.
- 144-1. MINH LÝ ĐẠO NHƯ TÔI HIỂU. Đại Cơ Minh, 2022.
- 143-1. TĂNG QUẢNG HIẾN VẤN. Lê Anh Minh dịch chú, 2022.
- *142-1. DƯỚI MÁI TRƯỜNG ĐẠO. Sử Kiến Nguyên, 2022.
- 141-1. TÌM HIỂU NGŨ NGUYỄN. Diệu Nguyên, 2022.
- 140-1. TÌM HIỂU BÁT NHÃ TÂM KINH. Lê Anh Minh, 2022.
- 139-1. BỒI DƯỠNG KỸ NĂNG PHỔ TẾ XUÂN 2022. Cơ Quan Phổ Tế HT Truyền Giáo Cao Đài.
- 138-1. TÌM HIỂU BÀI KINH HỒN ĐỘN TÔN SỰ. Huệ Khải, 2022.
- 137-1. GIA ĐÌNH ĐẠO ĐỨC THEO GIÁO LÝ CAO ĐÀI / *The Virtuous Family as Viewed by Caodaism*. Huệ Khải, 2021.
- *136-1. NÓI VỚI MỘT NGƯỜI. Huỳnh Văn Mười (thơ), 2021.
- 135-1. BỒI DƯỠNG PHỔ TẾ XUÂN 2021. Cơ Quan Phổ Tế HT Truyền Giáo Cao Đài, 2021.
- *134-1. CHUYỆN ĐẠO BÌNH DẪN. Lev Tolstoy, Huệ Khải dịch, 2021.
- 133-1. GÓP NHẬT LỜI QUÊ. Diệu Nguyên, 2020.
- 132-1. DI LẠC CHƠN KINH SƠ GIẢI / Preliminary Explanation of Maitreya True Sutra, Huệ Khải, Lê Anh Minh, 2020.
- 131-1. MINH ĐỨC KIM NGÔN. Minh Đức Nho Giáo Đại Đạo, 2020.
- 130/1964-1970. TÌM HIỂU THÁNH TRUYỀN TRUNG HƯNG TỪ GIÁP THÌN ĐẾN CANH TUẤT. Huệ Khải chú thích, 2022. / 130/1961-1963. TÌM HIỂU THÁNH TRUYỀN TRUNG HƯNG - NĂM TÂN SỬU, QUÝ MÃO. Huệ Khải chú thích, 2021. / 130/1960. TÌM HIỂU THÁNH TRUYỀN TRUNG HƯNG - NĂM CANH TÝ. Huệ Khải chú thích, 2021. / 130/1959. TÌM HIỂU THÁNH TRUYỀN TRUNG HƯNG - NĂM KỶ HỢI. Huệ Khải chú thích, 2020.
- *129-1. VIẾT TRƯỚC HIẾN NHÀ. Nguyễn Quốc Huân (thơ), 2020.
- *128-1. NƠI NÀO THƯƠNG YẾU THÌ CÓ THẤY. Lev Tolstoy, Huệ Khải dịch, 2019.
- *127-1. CÓ NHỮNG MÙA SAO. Huệ Khải, 2019. / 126-1. NHƯ HOA NỔ MỤN. Huệ Khải, 2019.

125-1. PHÚC ÂM KỂ LẠI THEO R.F. WILSON. Huệ Khải, 2019.
 124-2. THÁNH THI TRÍCH LỤC. Diệu Nguyên, 2019, 2023.
 123-1. SƠ KHẢO THUẬT NGỮ ĐẠO CHỨA TRONG ĐẠO CAO ĐÀI / *A Preliminary Survey of Some Christian Terms Used in Caodaism*. Huệ Khải, 2019.
 *122-1. VÚT MỘT ĐƯỜNG MÂY. Huệ Khải, 2018.
 *121-1. TẮM LÒNG MỘT NGƯỜI THẤY. Huệ Khải, 2018.
 120-1. ÁNH SÁNG CỦA TRẦN GIAN. Diệu Nguyên, 2018.
 119-1. PHAN THANH GIẢN XƯA VÀ NAY. Huệ Khải, 2018.
 *118-1. ĐỌC LẠI *CHUYỆN GIẢI BUỒN*. Huệ Khải, 2018.
 117-1. SỰ NGHIỆP TRUNG HƯNG. Phạm Văn Liêm, 2018.
 116-1. MỘT SỐ TỪ VIỆT CỔ TRONG KINH MINH LÝ ĐẠO VÀ PHẬT GIÁO HÒA HẢO. Huệ Khải, 2018.
 115-1. CON ĐƯỜNG ĐẾN VỚI CAO ĐÀI. Huệ Khải kết tập, 2018.
 *114-1. GỞI LẠI CHO ĐỜI. Huệ Khải, 2018.
 113-1. Ý THỨC HỆ CAO ĐÀI / *The Caodai Ideology*. Huệ Khải, 2017.
 112-1. CÁI ĐẸP THEO MỸ HỌC CAO ĐÀI / *Beauty in Terms of the Caodai Aesthetics*. Huệ Khải, 2017.
 111-1. TÂM LÝ NGƯỜI ĐẠO CAO ĐÀI / *The Psychology of Caodaists*. Huệ Khải, 2017.
 110-2. MỘT THOÁNG CAO ĐÀI / *Brief Glimpses into Caodaism*. Huệ Khải, 2017, 2018.
 *109-1. ÁI HOA KHÔNG CÒN NỮA. Lê Anh Minh, 2017.
 *108-1. AI ĐO LÒNG BIỂN. Huệ Khải, 2017. / *107-1. CAO CAO DÁNG NÚI. Huệ Khải, 2017.
 *106-1. MÔNG MẢNH TỜ TRỜI. Huệ Khải, 2017.
 *105-1. SỐNG ĐẸP LÀ SỐNG ĐẠO. Huệ Khải, 2017.
 *104-1. MÔNG CÁNH CHUỐN CHUỐN. Trần Dã Sơn (thơ), 2017.
 103-1. HÀNH TRẠNG TIỀN KHAI LÊ VĂN TRUNG 1876-1934. Huệ Khải, 2017.
 102-1. ĐƯỜNG VỀ THẤY. Đức Thuần, 2017. / 101-1. GIỮ LỬA CHO NHAU. Huệ Khải, 2016.
 100-1. ĐÔI ĐIỀU VỀ BÌNH GIẢNG THÁNH GIÁO. Huệ Khải, 2016.
 099-1. *TRONG THỜI ĐẠI CHÚNG TA VỚI TÂM TÌNH MỘT TÍN HỮU CAO ĐÀI / Nostra Aetate in a Caodai Believer's Sentiment*. Huệ Khải, 2016.
 *098-1. GIỮA CHỖN TA BÀ. Huỳnh Văn Mười (thơ), 2015.
 *097-1. GỞI NGƯỜI ÁO TRẮNG. Trần Dã Sơn (thơ), 2015.
 096-1. ĐỐI THOẠI LIÊN TÔN GIÁO TỪ GÓC NHÌN MỘT TÍN HỮU CAO ĐÀI / *Interfaith Dialogues as Viewed by a Caodai Believer*. Huệ Khải, 2015.
 095-1. HÀNH TRẠNG TIỀN KHAI NGUYỄN NGỌC TƯỜNG 1881-1951. Huệ Khải, 2016.
 094-1. LƯỢC SỬ ĐẠO CAO ĐÀI: KHAI MINH ĐẠI ĐẠO 1926 / *A Concise Caodai History: The 1926 Inauguration*. Huệ Khải, 2015. / 093-1. LƯỢC SỬ ĐẠO CAO ĐÀI: THỜI TIẾM ẮN 1920-1926 / *A Concise Caodai History: The Earliest Beginnings 1920-1926*. Huệ Khải, 2017.
 092-1. HỒNG ÂN TẬN ĐỘ. Phạm Văn Liêm, 2016.

091-1. LỊCH SỬ THÁNH THẤT CAO ĐÀI THỦ ĐỘ HÀ NỘI. Huệ Khải, 2015.
 090-1. MINH THIÊN CHƠN KINH. Thánh tịnh Ngọc Linh, 2015.
 089-1. ĐẠO CAO ĐÀI TRONG ĐỜI SỐNG CÔNG CHÚNG / *Caodaism in Public Life*. Thiện Quang, Huệ Khải, 2015.
 088-1. MINH GIÁO THÁNH TRUYỀN. Hội Thánh Cao Đài Tiên Thiên, 2015.
 *087-1. NGỌN NẾN NÀO KHÔNG TẮT. Huệ Khải, 2015.
 086-1. MẤY NHÁNH RỒI SAU CŨNG MỘT NHÀ. Phạm Văn Liêm, 2014.
 085-1. GIA ĐÌNH TRONG TÂN LUẬT CAO ĐÀI / *Family in the Caodai New Law*. Huệ Khải, 2014.
 *084-1. NẾO VỀ TÂM LINH. Huệ Khải, 2014.
 083-1. TỰ THẤP ĐUỐC MÀ ĐI. Thiện Quang, 2014.
 082-1. TÌM HIỂU NGŨ CHI ĐẠI ĐẠO. Thanh Căn, 2014.
 081-1. THIÊN ĐÀNG ĐỊA NGỤC HAI BÊN. Diệu Nguyên, 2014.
 080-1. VẠN HẠNH THIÊN SỰ XƯA VÀ NAY. Huệ Khải kết tập, 2014.
 079-1. NGŨ GIỚI CẤM XƯA VÀ NAY / *The Five Precepts Past and Present*. Huệ Khải, 2014.
 078-1. SƠ KHẢO BÀI KINH *NGỌC HOÀNG TÂM ẤN*. Lê Anh Minh, 2014.
 077-2. THIÊN BÀN TẠI NHÀ / *The God's Altar at Home*. Huệ Khải, 2014, 2017.
 076-1. TRỜI CHẴNG XA NGƯỜI. Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ, 2014.
 075-1. AN THUẬN QUẢ DUYÊN. Diệu Nguyên, 2014.
 074-1. HÀNH TRẠNG ĐỨC AN TRINH THẮN NỮ. Huệ Khải, 2014.
 073-1. TƯỞNG NHỚ NHÂN TỬ NGUYỄN VĂN THỌ. Huệ Khải chủ biên, 2014.
 072-1. PETRUS KÝ XƯA VÀ NAY. Huệ Khải, 2014.
 071-1. HỒ BIỂU CHÁNH XƯA VÀ NAY. Huệ Khải, 2014.
 070-1. CÔNG GIÁO & CAO ĐÀI HỘI NGỘ GIẢNG SINH. Nhiều người viết, 2013.
 *069-1. DƯỚI MÁI ĐẠO VIỆN. Huệ Khải, 2013.
 068-1. TRUNG DU HÀNH ĐẠO. Nhiều người viết, 2013.
 067-2. ƠN CỨU ĐỘ. Diệu Nguyên, 2013, 2016.
 *066-1. THƠ NGƯỜI ÁO TRẮNG. Nhiều người viết, 2013.
 065-1. BÁT QUÁI ĐỒ THIÊN XƯA VÀ NAY. Nhiều người viết, 2013.
 064-1. ĐẠI ĐẠO VÀ TÔN GIÁO. Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ, 2013.
 063-1. CÔNG GIÁO & CAO ĐÀI HỘI NGỘ PHỤC SINH. Nhiều người viết, 2013.
 062-1. CUỘC ĐỜI ĐỨC KHỔNG TỬ. Huệ Khải, Lê Anh Minh (truyện tranh), 2013.
 061-2. GIỌT NGỌC KIM BÀN. Thanh Căn, 2013, 2014.
 060-1. MỤC ĐÍCH & ĐƯỜNG LỐI CƠ QUAN PHỔ THÔNG GIÁO LÝ ĐẠI ĐẠO. Đơn Tâm, 2013.
 059-1. QUAN THÁNH XƯA VÀ NAY. Huệ Khải, 2013.
 058-2. CAO ĐÀI KHÁI YẾU. Đạt Đức, 2013, 2015.
 057-1. LƯỢC SỬ BÁT BỬU PHẬT ĐÀI. Thiện Bảo, 2012.

056-1. ĐẠO LÝ HUYỄN CƠ. Thiện Bảo, 2012.
 055-2. HÒA ĐIỀU LIÊN TÔN. Huệ Khải, 2012, 2013.
 *054-2. BẮC CẦU TÂM LINH. Huệ Khải, 2012, 2013.
 053-1. CẤM ĐẠO CAO ĐÀI Ở TRUNG KỲ (1928-1950) / *Caodaism under Persecution in Central Vietnam (1928-1950)*. Huệ Khải, 2012.
 052-3. TU CỨU CỨU HUYỄN THẤT TỔ. Huệ Khải, 2012, 2013, 2017.
 051-3. CUỘC ĐỜI PHẬT THÍCH CA. Ngô Bái Thiên, tranh 4 màu, 2012 [in 2 lần], 2013.
 050-1. XUÂN HÒA ĐỒNG. Hiệp tuyển thơ văn, nhiều người viết, 2012.
 049-1. KINH CÚNG TỬ THỜI. Cao Đài Chiếu Minh Tam Thanh Vô Vi, 2011.
 048-2. CON ĐƯỜNG HẠNH PHÚC. Huệ Khải, 2011, 2013.
 047-1. MỘT GÓC NHÌN VĂN HÓA CAO ĐÀI. Huệ Khải, 2011.
 *046-1. TIẾNG CHIM QUYÊN. Phạm Văn Liêm (thơ), 2011.
 045-1. NGƯỜI ĐẠO CAO ĐÀI LÀM QUEN PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU. Huệ Khải, 2011.
 *044-2. ĐỌC LẠI THẤT CHÂN NHÂN QUẢ. Huệ Khải, 2011, 2013.
 043-2. ĐIỂM TỰA TÂM LINH. Huệ Khải, 2011, 2012.
 *042-2. NHỊP CẦU TƯƠNG TRI. Huệ Khải, 2011, 2013.
 041-2. TRÊN ĐƯỜNG THIÊN LÝ. Phạm Văn Liêm, 2011, 2013.
 040-2. SỨC MẠNG ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ. Đơn Tâm, 2011, 2012.
 039-2. TÌM HIỂU HAI BÀI TIÊN THIÊN KHÍ HÓA VÀ QUẾ HƯƠNG NỘI ĐIỆN. Huệ Khải, 2011, 2012.
 038-9. KINH SÁM HỐI MINH HÒA. Tranh 4 màu, 2011, 2012, 2014, 2015, 2016, 2017.
 037-2. NÓI CHUYỆN CAO ĐÀI. Đơn Tâm, 2011, 2012.
 036-2. ĐẠI THỪA CHON GIÁO. Cao Đài Chiếu Minh Tam Thanh Vô Vi, 2011, 2016.
 035-1. XUÂN CHUNG TÂM. Hiệp tuyển thơ văn, nhiều người viết, 2011.
 *034-4. THẤT CHÂN NHÂN QUẢ. Lê Anh Minh dịch và chú thích, 2010 [in 2 lần], 2012, 2023.
 033-2. TINH HOA CAO ĐÀI GIÁO. Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ, 2010, 2012.
 032-1. NGÀI MINH THIÊN – CUỘC ĐỜI VÀ ĐẠO NGHIỆP. Đại Cơ Huồn, 2010.
 *031-2. GIẢI MÃ TRUYỆN TÂY DU. Huệ Khải, 2010, 2011.
 030-2. MỘT DÒNG BÁT NHẢ. Huệ Khải, 2010, 2013.
 029-2. DANH THẤY DANH ĐẠO. Đơn Tâm, 2010, 2012.
 028-2. TRIẾT LÝ ĐẾN THÁNH CAO ĐÀI TÂY NINH. Huệ Khải, 2010, 2012.
 027-2. HÀNH TRANG TIÊN BỒI CAO TRIỀU PHÁT. Cao Bạch Liên, Huệ Khải, 2010, 2012.
 026-1. NGHỆ THUẬT THUYẾT TRÌNH GIÁNG ĐẠO. Đơn Tâm, 2010.
 025-3. CẦU CHUYỆN ĐỨC TIN. Diệu Nguyên, 2010, 2011, 2012.
 024-4. HÀNH TRANG NGƯỜI ĐẠO CAO ĐÀI. Diệu Nguyên, 2010 [in 2 lần], 2012, 2013.
 023-2. ƠN GỌI MIỀN TRUNG. Phạm Văn Liêm, 2010, 2011.
 022-2. TAM GIÁO VIỆT NAM: TIÊN ĐỂ TƯ TƯỢNG MỞ ĐẠO CAO ĐÀI / *The Three Teachings of*

Vietnam as an Ideological Precondition for the Foundation of Caodaism. Huệ Khải, 2010, 13.
 021-2. BA MÓN BẦU CỦA NGƯỜI ĐẠO CAO ĐÀI. Thanh Căn, 2010, 2012.
 020-2. CỐ MỘT TÌNH THƯƠNG. Bạch Liên Hoa, 2010, 2011.
 019-1. XUÂN TRI ÂN. Hiệp tuyển thơ văn, nhiều người viết, 2010.
 018-2. HƯƠNG QUẾ CHO ĐỜI. Phạm Văn Liêm, 2009, 2012.
 017-2. THIÊN THỨ. Lê Anh Minh, 2009, 2013.
 016-2. TÌM HIỂU NGỌC HOÀNG THIÊN TÔN BỬU CÁO. Huệ Khải, 2009, 2010.
 015-3. TÌM HIỂU KINH SÁM HỐI. Thanh Căn, Huệ Khải, 2009, 2010, 2011.
 *014-4. ĐẠO ÁO TRẮNG. Phạm Văn Liêm, 2009, 2010, 2016.
 013-1. HỌC TẬP THÁNH GIÁO NĂM ẤT TÝ (1965). Huệ Khải, Lê Anh Minh hiệp chú, 2009.
 012-3. KINH CỨU KHỔ TRONG ĐẠO CAO ĐÀI. Huệ Khải, 2009, 2010, 2011.
 011-2. NHỚ ĐẠT LINH. Huệ Khải chủ biên, 2008, 2009.
 010-3. CƠ DUYÊN VÀ TUỔI TRẺ. Phạm Văn Liêm, 2009 [in 2 lần], 2012.
 009-2. LỄ BỔN. Cao Triều Phát soạn; Huệ Khải, Lê Anh Minh san nhuận, 2008, 2009.
 008-2. BỒI DƯỠNG ĐỨC TIN. Bùi Văn Tâm, 2008, 2012.
 007-1. CÁC THÁNH SỞ CAO ĐÀI TỈNH LONG AN. Đạt Linh, Đạt Truyền, Huệ Khải, 2008.
 006-2. ĐẤT NAM KỲ: TIÊN ĐỂ PHÁP LÝ MỞ ĐẠO CAO ĐÀI / *Cochinchina as a Legal Precondition for the Foundation of Caodaism*. Huệ Khải, 2008, 2010.
 005-3. LUẬT NHÂN QUẢ THEO GIÁO LÝ CAO ĐÀI. Huệ Khải, 2008, 2010, 2012.
 004-2. LÒNG CON TIN ĐẰNG CAO ĐÀI. Huệ Khải, 2008, 2010.
 003-2. LỜI VÀNG SEN TRẮNG. Bạch Liên Tiên Trưởng; Huệ Khải chú thích, 2008, 2009.
 002-3. NGÔ VĂN CHIÊU: NGƯỜI MÔN ĐỆ CAO ĐÀI ĐẦU TIÊN / *Ngô Văn Chiêu – the First Caodai Disciple*. Huệ Khải, 2008, 2009, 2012.
 001-3. ĐẤT NAM KỲ: TIÊN ĐỂ VĂN HÓA MỞ ĐẠO CAO ĐÀI / *Cochinchina as a Cultural Precondition for the Foundation of Caodaism*. Huệ Khải, 2008 [in 2 lần], 2012.

ĐẠI ĐẠO VĂN UYỂN (tập 1-24). Hiệp tuyển thơ văn đạo lý, 2012-2017. Nxb Tôn Giáo.

ĐẠO UYỂN (tập 25-43). Hiệp tuyển thơ văn đạo lý, 2018-2022. Nxb Hồng Đức.

Ghi chú: **150-1** tức là quyển 150, in lần thứ nhất. **148-10** tức là quyển 148, in lần thứ mười.

Các bản điện tử (PDF) có thể xem trực tuyến hay tải xuống miễn phí tại:

<http://thuvienhactrang.vn/chuyen-muc/sach-nghien-cuu-van-hoc-dai-dao>

<http://thuvienhactrang.vn/chuyen-muc/dao-uyen>

<http://thuvienhactrang.vn/chuyen-muc/dai-dao-van-uyen>

<http://www.tamgiaodongnguyen.com/IE/KinhSachOnline.htm>

Các tu sinh, tu sĩ mỗi ngày ra
vào qua cổng nhà tu Trí Huệ
có lẽ đều thuộc lòng và hiểu rõ
giá trị của trí huệ trong đời tu
khi nhìn hai câu đối:

*Trí định vọng tâm phiền não tận;
Huệ khai chơn tánh Bồ đề sanh.*

Nhưng để đạt được kết quả
vô cùng tốt đẹp đó thì
mọi người hãy biết tuân hành
quy chế nhà tu; tự rèn luyện
mình trong giới đức, giữ gìn
giới thể; tự an định nội tâm
bằng cách giữ gìn hòa khí với
anh em đồng tu, và bằng công
phu, tịnh định. Được như thế
thì thân tâm an hòa, và linh
khiếu, linh năng cũng sáng tỏ;
bấy giờ chỗ diệu dụng của trí
huệ nơi tự thân chắc chắn sẽ
được khai sáng. Đó chính là sở
nguyện của mỗi người tu học,
là chỗ mong chờ của Hội Thánh
và toàn đạo khi đã góp sức,
chung tâm xây dựng nên
ngôi nhà tu Trí Huệ.

(ÁNH SÁNG TRÍ HUỆ)

Tủ sách NGHIÊN CỨU ĐẠI ĐẠO hướng về
một trăm năm đạo Cao Đài (1926-2026)



Ảnh: Tu sĩ Võ Thanh Giáo

Quyển 150-1 trong
CHƯƠNG TRÌNH CHUNG TAY
ẤN TỐNG KINH SÁCH ĐẠI ĐẠO

ISBN: 978-604-398-988-5



Sách ấn tặng. Không bán.
Free Gift Book. Not for Sale.